



MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT_CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC CÔ PHÂN HÓA

- I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CHUNG
- II. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN TRỰC TIẾP

PHẦN THỨ HAI TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỚC KHI CÔ PHÂN HÓA

I. GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

1. Giới thiệu chung
2. Thông tin cơ bản:
3. Ngành nghề kinh doanh:
4. Vốn điều lệ:
5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty
 - 5.1. Công ty mẹ Tổng công ty
 - 5.2. Các công ty con
 - 5.3. Các công ty liên kết có vốn góp của TCTY
 - 5.4. Công ty Liên doanh
 - 5.5. Tổ chức Đảng, đoàn thể

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY

II. TÌNH HÌNH, HIỆN TRẠNG CÔNG TY MẸ

1. Thuận lợi - khó khăn
 - 1.1. Thuận lợi
 - 1.2. Khó khăn, hạn chế
2. Hiện trạng về lao động Công ty Mẹ
3. Hiện trạng về đất đai và diện tích sử dụng
 - 3.1. Tại Thành phố Hà Nội
 - 3.2. Tại tỉnh Bình Phước
 - 3.3. Tại tỉnh Nam Định
 - 3.4. Tại Thành phố Hồ Chí Minh
4. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2011-2013 và ước năm 2014
5. Tình hình tài chính của Công ty mẹ
6. Tình hình đầu tư vốn của Công ty mẹ vào các doanh nghiệp khác
7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013.
8. Những tồn tại tiếp tục phải giải quyết



PHẦN THỨ BA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN-CÔNG TY TNHH MTV

I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Hình thức cổ phần hóa
2. Thông tin doanh nghiệp công ty cổ phần
3. Ngành nghề kinh doanh Tổng công ty cổ phần
4. Cơ cấu tổ chức bộ máy

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY KHI CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

5. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013
6. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ
 - 6.1. Quy mô vốn điều lệ
 - 6.2. Cơ cấu vốn điều lệ, Phương thức bán cổ phần, Xác định Giá khởi điểm
 - 6.3. Tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược
 - 6.4. Danh sách nhà đầu tư đăng ký làm Nhà đầu tư chiến lược
7. Kế hoạch quản lý và sử dụng tiền bán phần vốn Nhà nước
8. Thời gian và tổ chức bán đấu giá cổ phần
 - 8.1. Thời gian bán cổ phần
 - 8.2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần
9. Dự toán chi phí cổ phần hóa
10. Phương án sắp xếp lại lao động
 - 10.1. Kế hoạch sắp xếp lao động
 - 10.2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần
 - 10.3. Kế hoạch xử lý lao động thôi việc, mất việc
 - 10.4. Kế hoạch tiền lương, lao động của TCT 2015-2016-2017
11. Phương án sử dụng đất đai
 - 11.1. Cơ sở nhà đất tại Thành phố Hà Nội
 - 11.2. Cơ sở nhà đất tại Thành phố Hồ Chí Minh
 - 11.3. Cơ sở nhà đất tại tỉnh Nam Định
 - 11.4. Cơ sở nhà đất tại tỉnh Bình Phước
12. Kế hoạch SXKD sau CPH (2015-2017).
 - 12.1. Mục tiêu, định hướng phát triển
 - 12.2. Yếu tố thuận lợi và triển vọng



- 12.3. *Khó khăn thách thức và rủi ro*
- 12.4. *Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD giai đoạn 2015-2017*
- 12.5. *Kế hoạch tổ chức và quản trị điều hành doanh nghiệp*
- 12.6. *Kế hoạch đầu tư phát triển*
- 12.7. *Kế hoạch thoái vốn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính*
- 12.8. *Các giải pháp thực hiện KH SXKD*
- 12.9. *Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán*

PHẦN THỨ TƯ_ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Từ tháng 01 đến tháng 06/2015
2. Từ tháng 06 đến 12/2015

II. KIẾN NGHỊ

PHẦN THỨ NĂM_ CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1: Dự thảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần.

Phụ lục 2: Dự thảo ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần theo mã ngành kinh tế Việt Nam để đăng ký kinh doanh.

Phụ lục 3: Biên bản xác định Giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH ITV tại thời điểm 31/12/2013.

Phụ lục 4: Xác định giá khởi điểm

Phụ lục 5: Phương án chào bán cổ phần cho người lao động. Tiêu chí chuyên gia giỏi.

Phụ lục 6: Đầu tư vốn của Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH ITV vào doanh nghiệp

Phụ lục 7: Chi phí trợ cấp mất việc, thôi việc làm.

Phụ lục 8: Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến Đất đai.

Phụ lục 9: Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Phụ Lục: Hồ sơ nhà đầu tư đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược

Các tài liệu, hồ sơ khác



PHẦN THỨ NHẤT

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC CỔ PHẦN HÓA

I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CHUNG

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 59);

Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2011/NĐ-CP (Nghị định 189);

Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ Về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (Nghị định 99);

Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Nghị định 71);

Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ Quy định về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định 108);

Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có hiệu lực kể từ ngày 10/10/2010 (Nghị định 91) ;

Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/3/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Nghị quyết 15);

Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;

Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định 59 (Thông tư 202);

Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư 127) Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ (thay thế thông tư 202);

Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 6/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần (Thông tư 196);



Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 33);

Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã Hội về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Thông tư số 38);

II. CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN TRỰC TIẾP

Văn bản số 2130/TTg-DMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Quyết định số 1976/QĐ-BNN-DMDN ngày 20/08/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH ITV;

Quyết định số 2780/QĐ-BNN-DMDN ngày 25/11/2013 Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV;

Quyết định số 3087/QĐ-BNN-DMDN ngày 27/12/2013 Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV;

Thông báo số 1209/QĐ-BNN-QLDN ngày 06/3/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc phân công nhiệm vụ các thành viên BCDCPH;

Quyết định số 3215/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/7/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự BCDCPH;

Quyết định số 34/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/01/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc thành lập TGVC PH Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV;

Quyết định số 916/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/05/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành kế hoạch thực hiện nghị quyết số 15/NĐ-CP ngày 06/3/2014;



Văn bản số 1738/BNN-QLDN ngày 03/06/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chấp thuận dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV;

Thông báo số 5932/TB-BNN-QLDN ngày 28/07/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thông báo kết luận của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hoá tại cuộc họp Ban chỉ đạo Cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản;

Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên các năm 2011, 2012, 2013 (đơn vị kiểm toán là CPA_VIETNAM).

Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp số 155/2014/XDGTĐN/CPA HANOI do Công ty TNHH Kiểm toán Hà Nội lập ngày 28/6/2014 để chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên thành công ty cổ phần thời điểm 31/12/2013 và Biên bản thẩm tra hồ sơ XDGTĐN để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên tại thời điểm 31/12/2013 do Tổ thẩm tra liên ngành lập ngày 19/8/2014;

Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV để cổ phần hóa;

Quyết định số 5467/QĐ-BNN-QLDN ngày 19/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v điều chỉnh công nợ không có khả năng thu hồi của Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên để bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam (điều chỉnh điều 2 quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014);

Biên bản Hội nghị CBCNV ngày 11/4/2014, Hội nghị CBCNV bất thường tháng 01/2015;

Thông báo số 746/TB-BNN-QLDN ngày 23/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về thông báo kết luận của Trưởng Ban chỉ đạo CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên;

Quyết định số 863/QĐ-BNN-QLDN ngày 16/3/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc điều chỉnh nhân sự BCĐCPH Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản;

Kết luận của thứ trưởng Hà Công Tuấn - Trưởng Ban chỉ đạo CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên tại cuộc họp ngày 13/3/2015 tổ chức tại Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội (về việc TGVCPIH chỉnh sửa, bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ PACPH trình BCĐCPH, trong đó yêu cầu: hình thức CPH là bán toàn bộ vốn nhà nước; cơ cấu vốn điều lệ lần đầu là nhà nước nắm giữ 0%VDL, Nhà đầu tư chiến lược nắm giữ 60%VDL, bán cho người lao động và công đoàn theo quy định, số còn lại bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác).



PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

I. GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

1. Giới thiệu chung

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên là doanh nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, được hình thành năm 2003 thông qua sáp nhập Tổng công ty Rau quả Việt Nam và Tổng công ty XNK Nông sản và Thực phẩm chế biến theo quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB. Tháng 9/2005 Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con theo quyết định 2352/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Ngày 10/6/2010 Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quyết định 1563/QĐ-BNN-ĐMDN chuyển Công ty Mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản thành Công ty TNHH một thành viên.

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên là doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu rau quả, hoa, nông sản thực phẩm. Các sản phẩm rau quả, nông sản chế biến mang thương hiệu VEGETEXCO VIETNAM đã và đang giành được uy tín với khách hàng ở trong nước và quốc tế. Đến nay, các mặt hàng của Tổng công ty đã có mặt tại gần 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó những sản phẩm như dưa (cô đặc, đồ hộp, đông lạnh), điều, tiêu, rau, quả, gia vị... được khách hàng ưa chuộng tại nhiều thị trường như EU, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc...

Với mục tiêu phát triển bền vững, chiến lược của Tổng công ty luôn hướng tới việc tạo ra và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ hàng hóa chất lượng và an toàn, hướng tới người tiêu dùng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ rau quả, nông sản an toàn, chất lượng cao, vì người tiêu dùng để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



2. Thông tin cơ bản:

- Tên gọi đầy đủ Tổng công ty: TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN – CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt Nam: TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL VEGETABLE FRUIT AND AGRICULTURAL PRODUCT CORPORATION LIMITED.
- Tên giao dịch viết tắt: VEGETEXCO VIETNAM
- Tài khoản giao dịch: 1300.201.209.800 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT-Chi nhánh Thăng Long.
- Trụ sở chính: số 02 Phạm Ngọc Thạch - Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội.
Điện thoại: 04 3 8524503 ; Fax: 04 3 8523926
Email: vegetexcovn@fpt.vn ;
website: <http://www.vegetexcovn.com.vn>.
- Mã số thuế: 0101385740
- Đăng ký kinh doanh: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 30/6//2010, sửa đổi lần 1 ngày 21/3/2011. Mã số DN 0101385740
- Biểu tượng (LOGO)



3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101385740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, sửa đổi lần 1 ngày 21/3/2011 bao gồm 125 mã ngành liên quan đến:

- Sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nội địa rau, quả, nông sản, thực phẩm đồ uống; các loại giống rau, hoa, quả nhiệt đới; kinh doanh phân bón, hóa chất, vật tư, bao bì chuyên ngành rau quả, nông, lâm sản và chế biến thực phẩm; kinh doanh các sản phẩm cơ khí: máy móc, thiết bị, phụ tùng; phương tiện vận tải, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng...

- Sản xuất kinh doanh các lĩnh vực khác: giao nhận, tham gia thị trường chứng khoán; kinh doanh bất động sản; khách sạn, văn phòng cho thuê.



- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, tiếp nhận và thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư phát triển để phát triển kinh doanh của Tổng công ty.

(ĐKKD số 0101385740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp sửa đổi ngày 21/3/2011 kèm theo).

4. Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).

5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty

5.1. Công ty mẹ Tổng công ty

5.1.1. Viên chức quản lý:

- Hội đồng Thành viên: 5 thành viên (trong đó 2 thành viên kiêm Ban điều hành, 01 thành viên không chuyên trách).
- Ban điều hành: Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc.
- Kiểm soát viên: 01 người.
- Kế toán trưởng : 01 người.

5.1.2. Các Phòng, Ban Văn phòng Tổng công ty :

- Phòng Tổ chức hành chính: 16 người.
- Phòng Kế toán Tài chính : 08 người.
- Phòng Kế hoạch tổng hợp: 05 người.
- Phòng Tư vấn Đầu tư và Xúc tiến thương mại: 05 người.
- Trung tâm KCS: 04 người.
- Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu 2, 3, 5, 7, 8: 18 người.

5.1.3. Các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc:

5.1.3.1. Công ty Giống Rau quả Trung Ương: 56 người

- Địa chỉ: số 02 Phạm Ngọc Thạch, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 04-35741950 ; Fax: 04-38525042
- Tên giao dịch : VEGESEED.
- GCN Đăng ký hoạt động: 0101385740-007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 30/12/2010.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: theo đăng ký hoạt động (kèm theo); tập trung vào lĩnh vực trồng trọt, sản xuất, kinh doanh giống và vật tư ; trồng trọt, sản xuất, kinh doanh hoa, kinh doanh tổng hợp , dịch vụ kho bãi ...



5.1.3.2. Công ty Chế biến Điều và Nông sản VEGETEXCO: 197 người

- Địa chỉ: quốc lộ số 13, xã Thành Tâm, Chơn Thành, Bình Phước.
- Điện thoại: 04-35741950 ; Fax: 04-38525042
- Tên giao dịch : VEGETEXCO BINHPHUOC.
- GCN Đăng ký hoạt động: 0101385740-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp thay đổi lần 1 ngày 17/02/2011.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: theo đăng ký hoạt động (kèm theo); tập trung vào lĩnh vực trồng trọt, sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, kinh doanh tổng hợp , dịch vụ kho bãi ...

5.1.3.3. Công ty Vegetexco.

- Địa chỉ: số 02 Phạm Ngọc Thạch, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.
- Đã ngừng hoạt động, đang quyết toán mã số thuế.

5.2. Các công ty con (Vốn nhà nước > 50% vốn điều lệ):

5.2.1. Công ty TNHH ITV Xuất nhập khẩu Nông sản và Thực phẩm Hà Nội.

Tên giao dịch: AGRIFEXPORT HANOI CO.,LTD

Địa chỉ : số 06 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ : 16 tỷ đồng (100% vốn nhà nước).

Đại diện Chủ sở hữu: Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty TNHH MTV.

GCNĐKKD mã DN 0100101682 do Sở KII và đầu tư Hà Nội cấp sửa đổi lần 2 ngày 30/7/2011.

Ngành nghề KD chính:

- SX, CB, KD và xuất nhập khẩu trực tiếp rau quả, nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm , đồ uống; KD tổng hợp .
- KD bất động sản; hoạt động của các cơ sở thể thao ; dịch vụ hỗ trợ giáo dục;...

Hiện trạng: (Lỗ - âm vốn theo QĐ 2153/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 06/9/2012 của Bộ Nông nghiệp về việc phê duyệt GTDN của công ty để thực hiện tái cơ cấu DN thời điểm 31/3/2012). Đơn vị đang tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài chính chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, tách giá trị phần vốn nhà nước của đơn vị ra khỏi giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo thông báo số 5932/TB-BNN-QLDN ngày 28/07/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.



5.2.2. Công ty TNHH 2 thành viên CHIPSGOOD – VEGETEXCO

Tên giao dịch: CHIPSGOOD VEGETEXCO CO.,LTD

Tên viết tắt: CHIPSGOOD.

Địa chỉ: km30 +50m quốc lộ 5, thôn Lường, xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

Vốn điều lệ: 22.110.000.000 VND, TCTRQNS sở hữu 90% vốn điều lệ.

Ngành nghề KD:

- SX, CB, KD và xuất nhập khẩu trực tiếp rau quả, nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm, đồ uống; các sản phẩm cơ khí, MMTB, phụ tùng, phương tiện vận tải, phân bón, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu, vật tư phục vụ chuyên ngành rau quả, nông lâm thủy sản, chế biến thực phẩm; Bao bì các loại; Hàng tiêu dùng
- Kinh doanh vận tải và đại lý vận tải hàng hóa đa phương tiện, đa thức trong nước và quốc tế; giao nhận, kho, cảng;
- Kinh doanh các lĩnh vực khác : BĐS, Du lịch, khách sạn, ...

Hiện trạng: Công ty ngừng hoạt động SXKD từ 2010 xây dựng phương án đầu tư mở rộng.



5.3. Các công ty liên kết có vốn góp của TCTY:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn TCTY (%)	Lĩnh vực sxkd chính	Hiện trạng
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả I	Số 389 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội	30,00	19,50	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Tốt
2	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu	Số 46 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	7,50	35,00	KD-XNK vật tư, TM tổng hợp	Bình thường
3	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VITRANIMEX	Số 4 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20,28	35,00	Vận tải và đại lý vận tải, kinh doanh thương mại	Tốt
4	Công ty Cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu	Số 57 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội	3,00	36	Xây dựng nông nghiệp và PTNT, thương mại	Bình thường
5	Công ty CP XNK nông lâm sản Chế biến	25 Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	6,00	19,82	sản xuất giống, cây lâm nghiệp; TM tổng hợp	Tốt
6	Công ty Cổ phần Vian	Xã Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	12,00	14,57	SX, KD bia và nước giải khát	Bình thường
7	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Hải Phòng	Số 5 Lê Thánh Tông, TP. Hai Phòng	6,00	18,825	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Dừng hoạt động
8	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên	Đường Hoàng Hoa Thám, An Tào, T.X Hưng Yên	120,00	1,25	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, KD BDS	TCT đang có đơn y/c Tòa án mở thủ tục phá sản
9	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	Trung Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình	40,00	34,16	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Bình thường



Phương án CPH Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV

10	Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	Phượng Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	12,00	35,00	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Lâm vào tình trạng phá sản doanh nghiệp, Thị trường an Bắc Giang đang phát mai thanh lý tài sản
11	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Thanh Hóa	37 Bà Triệu, TP Thanh Hóa	6,00	35,00	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Bình thường
12	Công ty Cổ phần Nông lâm sản Hà Tĩnh	KCN Vũng Áng, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	1,20	18,33	SX, CB, KDXNK rau quả nông lâm sản, tổng hợp	UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp đã có chủ trương, đang làm thủ tục phá sản doanh nghiệp.
13	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả	24 Trương Định, P.6, Q.3, TPHCM	15,50	44,88	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Tốt
14	Công ty Cổ phần Cánh Rau quả	Số 1 đường Nguyễn Văn Quỳ, P Phú Thuận, Q.7, TPHCM	82,15	38,43	KD XNK TM tổng hợp, dịch vụ cảng	Tốt
15	Công ty Cổ phần Thực phẩm xuất khẩu Tân Bình	Số 111 Trường Chinh, P.Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TPHCM	100,00	20,00	KD XNK TM tổng hợp, bất động sản	Tốt
16	Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ xuất nhập khẩu Sài Gòn		12,50	29,72	SX, CB, KDXNK nông sản, tổng hợp	Bình thường
17	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	18 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TPHCM	103,39	39,89	KD XNK TM tổng hợp; in và bao bì sắt	Tốt
18	Công ty Cổ phần XNK hạt Điều và hàng Nông sản thực phẩm TP HCM	458B Nguyễn Tất Thành, Q.4, TPHCM	18,00	25,00	SX, CB, KDXNK nông sản, tổng hợp	Khó khăn về tài chính.



19	Công ty Cổ phần Rau quả Tiên Giang	Km 1977-QL1, Long Định, Châu Thành, Tiền Giang	20,00	10,00	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, tổng hợp	Tốt
20	Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	Lô 234 đường AMATA, KCN AMATA, Long Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai	128,00	32,36	SX, CB, KDXNK rau quả nông sản, nước giải khát, tổng hợp	Tốt
21	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang	21 Ngõ Thời Nhiệm, An Bình, Rạch Giá, Kiên Giang	45,00	3,33	SX, CB, KDXNK rau quả	Ngừng hoạt động.

5.4. Công ty Liên doanh

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đ)	Tỷ lệ vốn TCTY (%)	Lĩnh vực sxkd chính	Hiện trạng
1	Công ty Hợp sắt TOVECAN	Lô A60/I-A61/II đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TPHCM	4,57 mUSD	22,64	SX bao bì hộp sắt	Tốt
2	Công ty Liên doanh TNHH CROWN Hà Nội	Km24-QL1A, xã Quát Động, Thường Tín, Hà Nội	24,8 mUSD	14,40	SX bao bì lon nhôm	Tốt
3	Công ty Liên doanh TNHH LUVECO.	Số 8 đường Thanh Bình, Hạ Long, Nam Định	35	45,00	SX, CB, KDXNK rau quả. SX hộp sắt.	Thua lỗ, TCT đang có đơn y/c Tòa án mở thủ tục phá sản



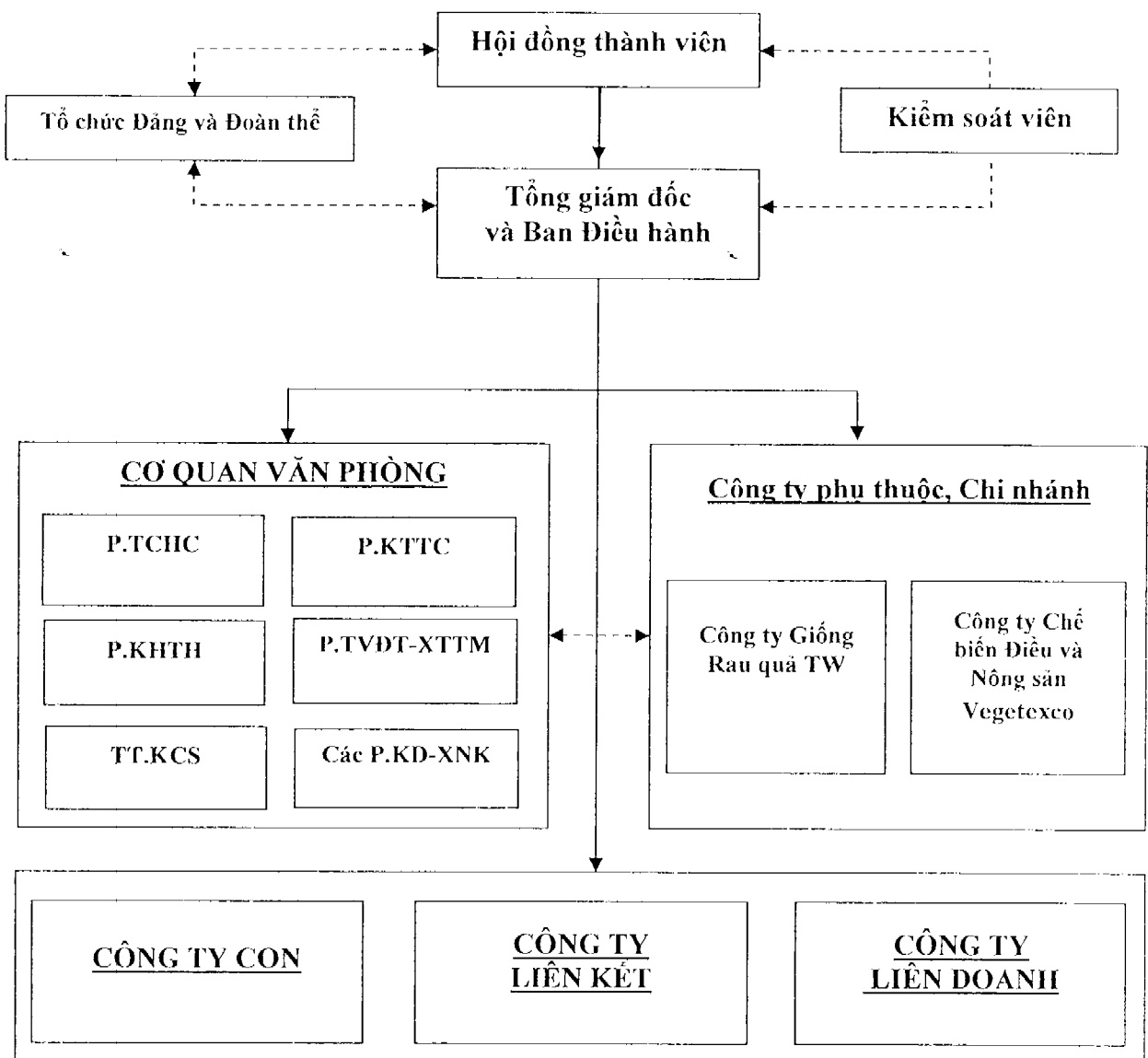
5.5. Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ Tổng công ty Rau quả Nông sản là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Công đoàn Tổng công ty Rau quả Nông sản trực thuộc Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT.

- Đoàn TNCS HCM Tổng công ty Rau quả Nông sản trực thuộc Đoàn Bộ Nông nghiệp và PTNT.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY





II. TÌNH HÌNH, HIỆN TRẠNG CÔNG TY MẸ

1. Thuận lợi - khó khăn

1.1. Thuận lợi

- Là doanh nghiệp chuyên ngành đầu tiên và đứng vị trí cao trong lĩnh vực xuất khẩu rau, hoa quả và nông sản của Việt Nam.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật lớn được đầu tư đồng bộ, hạ tầng đầy đủ và khả năng sinh lợi cao Các lĩnh vực hoạt động chính bao gồm Sản xuất Nông nghiệp, sản xuất Công nghiệp, kinh doanh thương mại, kinh doanh khách sạn, kinh doanh dịch vụ vận tải, kho tàng, bến bãi.

- Nhiều khoản đầu tư tài chính dài hạn đang trong thời kỳ sinh lợi cao. Nhiều đơn vị thành viên sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã thực sự phát huy quyền làm chủ doanh nghiệp, năng động và sáng tạo đã đưa doanh nghiệp phát triển và hoạt động có hiệu quả, hàng năm đều có lợi nhuận và chia cổ tức cho các cổ đông, vốn được bảo toàn và phát triển cụ thể như: Công ty CP XNK Rau quả, Công ty CP RQ Tiền Giang, Công ty In và Bao bì Mỹ Châu, Cty Cổ phần Cảng rau quả, Công ty CP Dona Newtower; Công ty CP TPXK Tân Bình; Công ty LD Crown Hà Nội; Công ty LD Hộp sắt Tovecan, Công ty CP Vận tải và Thương mại, ...

- Tình hình tài chính của Công ty mẹ lành mạnh, sản xuất kinh doanh luôn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Giá trị doanh nghiệp đã được đánh giá sát với thực tế, mức độ rủi ro do trị giá tăng ảo không lớn.

- Phạm vi và lĩnh vực hoạt động rộng, mỗi đơn vị thành viên hoạt động trong những ngành nghề khác nhau nhưng có mối liên hệ gắn kết chặt chẽ với nhau, sản phẩm hoặc dịch vụ của đơn vị này là nguyên liệu hoặc đối tượng tác động của đơn vị kia nên việc hỗ trợ nhau trong hoạt động đã mang lại hiệu quả tối đa cho mỗi đơn vị, đồng thời đảm bảo sự phát triển an toàn và bền vững của Công ty mẹ.

- Thường xuyên quan tâm và đầu tư cho công tác nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt, Đổi mới phương thức quản trị trong doanh nghiệp (nhà nước quản lý thông qua người đại diện phần vốn của mình tại doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn). Hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty về tài chính, nhân lực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư...tạo được mối liên kết gắn bó giữa Tổng công ty và các doanh nghiệp.

- Bộ máy lãnh đạo TCTy có quan điểm chung, thống nhất về các chủ trương lớn, chiến lược phát triển, về phương thức hoạt động và xử lý các vấn đề cốt lõi của đơn vị, đoàn kết giữ vững sự ổn định về tổ chức và bộ máy của Tổng công ty. Chăm lo tốt đời sống cho người lao động.

- Tổng công ty ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-



2008; với sở hữu và tham gia sở hữu các thương hiệu sản phẩm nổi tiếng như: "Nature", "Crown", "MCP", "Vegetigi", "Tovecan", "Vitranimex" và "Vegetexco Vietnam"... Cơ sở sản xuất chế biến đạt các chứng chỉ quốc tế được công nhận như: HACCP, KOSHER, BRC và SA 8000..v.v..

- Trong quá trình hình thành và phát triển, Tổng công ty đã xây dựng, củng cố thương hiệu và uy tín trên thị trường, được các khách hàng quốc tế tín nhiệm. Chất lượng sản phẩm được khẳng định qua các đơn đặt hàng trọng điểm tại các hội chợ triển lãm quốc tế nhiều năm qua như: SIAL (Pháp), ANUGA (Đức) và FOODEX (Nhật).

- Tổng công ty có kinh nghiệm làm việc với các đối tác nước ngoài qua các dự án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu chuyên canh, các công trình thiết bị, máy móc và công nghệ chế biến rau quả, nông sản giá trị cao của các nước như: Đức, Ý, Pháp, Nga và Nhật bản.

- Tổng công ty được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan hữu quan. Được Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ thông qua chính sách ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển Nông thôn

1.2. Khó khăn, hạn chế

- Nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn trong giai đoạn khó khăn, chưa phục hồi.
- Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề.
- Công tác định hướng chiến lược, kế hoạch, quản trị, công tác xúc tiến thương mại còn hạn chế.

- Mới tập trung vào thị trường xuất khẩu; hệ thống phân phối, bán lẻ chưa phát triển mở rộng.

- Tổng công ty chưa có sản phẩm khác biệt trên thị trường.

- Công tác quy hoạch, đào tạo đã thực hiện đúng các quy định hiện hành song lực lượng cán bộ trẻ khả năng làm việc độc lập còn hạn chế.

2. Hiện trạng về lao động Công ty Mẹ:

Lao động có tên trong danh sách Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH ITV đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (07/10/2014):

- **Tổng số:** **328 người**



TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ (người)	Tỷ lệ (%)	Trong đó (người)		
				Văn phòng	Công ty Giống RQTW	Công ty Vegetexco Bình Phước
1	Tổng số lao động	328		75	56	197
	<i>Chiếm tỷ lệ trên tổng số lao động</i>	<i>100%</i>		<i>22,9%</i>	<i>17,1%</i>	<i>60,1%</i>
2	Phân theo giới tính					
	- Nam	123	37,5	40	24	58
	- Nữ	205	62,5	34	32	139
3	Phân theo trình độ					
	- Trên Đại học và Đại học	107	32,6	62	31	13
	- Cao đẳng, Trung cấp	26	7,9	2	8	16
	- Công nhân	43	13,1	10	16	17
	- Lao động phổ thông	152	46,3	0	1	151
4	Phân theo loại hợp đồng					
	+ Không xác định thời hạn	219	66,8	65	47	106
	+ Từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	47	14,3	0	7	40
	+ Dưới 12 tháng	53	16,2	0	2	51
	+ Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	9	2,7	9	-	-
5	Theo độ tuổi					
	+ Dưới 30 tuổi	71	21,6	5	13	53
	+ Từ 30 - dưới 40 tuổi	126	38,4	21	15	90
	+ Từ 40 - dưới 50 tuổi	66	20,1	17	5	44
	+ Từ 50 - dưới 55 tuổi	44	13,4	17	17	10
	+ Từ 55 - dưới 60 tuổi	21	6,4	14	6	0



3. Hiện trạng về đất đai và diện tích sử dụng

Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả Nông sản hiện đang quản lý 169.641 m² đất. Trong đó đất làm trụ sở, văn phòng, kho tàng, mặt bằng SXKD/DV là 167.392 m².

3.1. Tại Thành phố Hà Nội

- Cơ sở nhà đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội:

+ Diện tích đất: 1.969 m².

+ Mục đích sử dụng: trụ sở làm việc, cơ sở SXKD.

+ Hợp đồng thuê đất, Giấy Chứng nhận QSD Đất số AB 180637 (04/04/2006).

+ Đã được UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Tài Chính chấp thuận phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước (BCĐ 09) và sử dụng sau CPH. Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai.

+ Hiện trạng: là trụ sở VP Cty mẹ và Chi nhánh TCTY-Công ty Giống RQTV.

- Cơ sở nhà đất tại 58 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

+ Diện tích đất: 404 m².

+ Mục đích sử dụng: khách sạn, đất cơ sở SXKD.

+ Hợp đồng thuê đất, Giấy Chứng nhận QSD Đất số AD 692357 (01/9/2008).

+ Đã được UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Tài Chính chấp thuận phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước (BCĐ 09) và sử dụng sau CPH. Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai.

+ Hiện trạng: đang hoàn thiện hồ sơ đấu thầu lần 2 để cải tạo thành khách sạn.

- Cơ sở nhà đất tại Cầu Diễn Xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội.

+ Diện tích đất: 11.221 m².

+ Mục đích sử dụng: kho hàng nông sản.

+ Giấy sử dụng đất số 4802/XĐ-UB ngày 09/11/1987.

+ Đã được UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Tài Chính chấp thuận phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước (BCĐ 09) và sử dụng sau CPH. Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai.

+ Hiện trạng: đang làm kho hàng hóa.

- Cơ sở nhà đất tại Phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

+ Diện tích đất: 994 m². Diện tích kho: 600m².

+ Mục đích sử dụng: kho hàng nông sản.



- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 007576 ngày 15/9/1990.
- + Đã được UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Tài Chính chấp thuận phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước (BCĐ 09) và sử dụng sau CPH. Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai.
- + Hiện trạng: đang làm kho hàng hóa.

- Cơ sở nhà đất tại QL Xã Liên Phương, huyện Thường Tín, Hà Tây (Trại giống rau và TT rau hoa quả Thường Tín).

- + Diện tích đất: 49.045 m².
- + Mục đích sử dụng: 46.987 m² đất cơ sở SXKD, 2.058 m² đất ở.
- + Nguồn gốc: QĐ số 607/QĐ-UB ngày 29/12/1973 UBND tỉnh Hà Tây.
- + Đã được UBND Thành phố Hà Nội và Bộ Tài Chính chấp thuận phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước (BCĐ 09) và sử dụng sau CPH. Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai đất SXKD và bàn giao 2.058m² đất ở về địa phương.
- + Hiện trạng: là cơ sở SXKD và kho bảo quản giống của Chi nhánh TCTY-Công ty Giống RQTW.

3.2. Tại tỉnh Bình Phước.

- Cơ sở nhà đất tại Ấp 1, Xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng.

- Thửa 1: 10.225m²; GCNQSDĐ 1 số BA038199 ngày 15/7/2010, quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm.
- Phương thức: Thuê đất đã trả tiền thuê đất 01 lần đến 2049.
- Thửa 2: 27.966m²; GCNQSDĐ 2 số BA038200 ngày 15/7/2010, quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Mục đích sử dụng: 600m² là đất thổ cư, phần còn lại là đất trồng cây lâu năm
- Phương thức: Thuê đất đã trả tiền thuê đất 01 lần đến 2044.

- Cơ sở nhà đất tại QL 13, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

- Lô 1 diện tích 49.556,4 m² GCNQSDĐ và QSIINOVTSKGLVD số BD 752310 ngày 22/4/2011, quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD.
- Đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn sử dụng đến tháng 01/2049.



- Hiện trạng: là trụ sở và cơ sở SXKD của Chi nhánh TCTy- Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco (Vegetexco BinhPhuoc).
- Lô 2 diện tích 1.349,8m², nguồn gốc mua tài sản trên đất của Công ty Liên doanh chế biến gia vị XK Vinaharris thanh lý giải thể. Đất nằm giữa khuôn viên của lô 01.
- Hiện trạng đang làm thủ tục đăng ký chứng nhận QSDĐ và QSHNOVTSKGLVD

3.3. Tại tỉnh Nam Định.

- Cơ sở nhà đất tại Số 8 đường Thanh Bình, P.Hà Long, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

- + Diện tích đất: 7.261 m².
- + Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD.
- + Hợp đồng thuê đất 25-2001/HD-TĐ ngày 08/01/2001, GCN QSDĐ số 548564 ngày 17/01/2001 Thời hạn sử dụng 30 năm, trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Bàn giao đất thuê và tài sản trên đất cho DATC, không tính vào GTDN chuyển sang công ty cổ phần.

3.4. Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở nhà đất tại Đường số 7, Khu CN Vĩnh Lộc, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

- + Diện tích đất: 11.000 m².
- + Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD trong KCN
- + Hợp đồng thuê QSD đất số 103/HĐ-TQSDĐ-2006 ngày 12/09/2006 và phụ lục.
- + Đã trả tiền thuê đất 01 lần đến 30/08/2053. Đang hoàn thiện GCNQSDĐ
- + Hiện trạng: đang cho đơn vị Liên doanh TOVECAN thuê làm cơ sở SXKD theo hợp đồng dài hạn cùng với thời gian thuê đất của KCN. Chưa tính giá trị đất vào GTDN chuyển sang công ty cổ phần, đang hoàn thiện hồ sơ để có căn cứ xử lý khi quyết toán vốn nhà nước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.



Bảng Tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất do Tổng công ty quản lý

STT	Địa chỉ nhà, đất	Hiện trạng sử dụng đất (m2)			Hiện trạng sử dụng nhà			Ghi chú		
		Tổng diện tích	Trong đó		Số ngôi nhà	DTXD (m2)	Tổng DT sàn XD (m2)		Trong đó (m2)	
			Trụ sở, văn phòng mặt bằng SXKD/DV	Khác					Trụ sở	SXKD/DV
1	Văn phòng Tổng công ty									
	Trụ sở chính Tổng công ty Rau quả, Nông sản Số 02 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	1.969	1.969		3	1.150	3.950	3.650	300	Đất thuê trả tiền hàng năm
1.2	58 Lý Thái Tô	404	404		1	320	2.500	2.500		Đất thuê trả tiền hàng năm
1.3	Kho Cầu Diễn Xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	11.221	11.221		3	3.360	3.360	3.360		Đất thuê trả tiền hàng năm
1.4	Kho Cầu Tiên Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	994	994		1	600	600	600		Đất thuê trả tiền hàng năm
1.5	Số 8 đường Thanh Bình, P.Hạ Long, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định	7.261	7.070,4	190,6	8	980,2	980,2	789,6	190,6	Thuê đất trả tiền hàng năm, 6937,2 m2 thời hạn 30 năm từ năm 1/1/2000 trong đó 540,6m2 làm đường đi chung với Liên doanh, thuê tạm thời 323,8m2



Phương án CPH Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV

1.6	Đường số 7, Khu CN Vĩnh Lộc, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	11.000	11.000									Thuế đất trả tiền 1 lần, thời hạn 30/08/2053
1.7	Áp 1, Xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng	38.191	38.191									Thửa 1: 10225m2 đến năm 2049; Thửa 2: 27966m2 đến năm 2044 (trong đó: 600m2 đất ở nông thôn)
2	Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco											
2.1	QL 13, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	49.556,4	49.556,4	17	9.309,4	9.309,4	334,3	8.975,1	2.270			Thuế đất lâu dài đến t1/2049, trả tiền hàng năm
	QL 13, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	1.349,8	1.349,8	1	1300	1300		1300				Mua lại tài sản trên đất của Vinaharris (năm 2014), đang làm thủ tục xin thuê đất từ UBND tỉnh.
3	Công ty Giống Rau quả Trung Ương											
	Trại giống rau và TT rau hoa quả Thường Tín Xã Liên Phương, huyện Thường Tín, Hà Tây	49.045	46.987	9	10.743	14.466		14.466				Thuế đất trả tiền hàng năm



4. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2011-2013 và ước năm 2014

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu nhiều khó khăn, thách thức, Tổng công ty vẫn có được những kết quả đáng khích lệ với việc bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu từ 463 tỷ năm 2011 lên 507 tỷ năm 2013, tình hình tài chính lành mạnh, kết quả SXKD của ba năm trước CPH đều có lãi năm sau cao hơn năm trước, thu nhập cho người lao động được đảm bảo, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

TT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Ước TH năm 2014
1	KN XNK	USD	16.072.500	24.057.394	17.667.817	14.821.382
	Xuất khẩu	USD	11.320.167	19.363.431	14.661.676	10.838.477
	Nhập khẩu	USD	4.752.333	4.693.963	3.006.140	3.982.905
2	Giá trị SXCN	trđ	23.580	26.244	29.433	23.400
	Sản lượng sp chủ yếu (điều nhân)	Tấn	655	729	818	650
4	Doanh thu	trđ	362.303	540.195	452.151	356.000
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	261.678	454.365	371.030	
	Doanh thu tài chính	trđ	99.892	83.013	77.670	
	Thu nhập khác	trđ	733	2.818	3.451	
5	Tổng chi phí	trđ	326.851	497.640	408.750	327.900
	Chi phí tài chính	trđ	38.339	11.145	7.812	
	Chi phí bán hàng	trđ	11.993	14.415	11.418	
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	trđ	41.437	42.598	27.187	
6	Lợi nhuận trước thuế	trđ	35.452	42.555	43.401	28.100
7	Lợi nhuận sau thuế	trđ	35.452	42.555	43.401	28.100
8	Các khoản phải nộp NS	trđ	3.221	6.734	27.220	
9	Về lao động					
	Tổng số lao động	người	346	340	336	328
	Thu nhập bình quân/người/tháng	trđ	7,31	9,0	7,88	7,36



5. Tình hình tài chính của Công ty mẹ

Theo Báo cáo tài chính đã được đơn vị CPA_ Việt Nam kiểm toán, tình hình tài chính Công ty mẹ qua các năm 2011-2013 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2013
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	242.897.883.820	309.931.793.688	319.244.412.799
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	38.412.689.244	35.080.494.097	24.187.275.855
1	Tiền	38.412.689.244	35.080.494.097	24.187.275.855
2	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính NH	1.000.000.000	78.327.200.000	120.060.530.135
1	Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	78.327.200.000	120.060.530.135
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	108.460.147.125	82.662.728.827	81.768.498.164
1	Phải thu khách hàng	15.467.341.996	33.599.265.219	28.019.160.866
2	Trả trước cho người bán	747.431.591	1.983.875.259	2.870.839.536
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
4	Phải thu theo tiến độ KH HD XD	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	123.669.316.601	70.563.445.403	75.244.405.856
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-31.423.943.063	-23.483.857.054	-24.365.908.094
IV	Hàng tồn kho	87.563.328.649	103.569.555.347	80.773.275.285
1	Hàng tồn kho	96.821.429.256	103.730.913.049	88.958.956.241
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-9.258.100.607	-161.357.702	-8.185.680.956
V	Tài sản ngắn hạn khác	7.461.718.802	10.291.815.417	12.454.833.360
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	141.817.458	87.406.728	215.406.909
2	Thuế GTGT được khấu trừ	1.277.586.512	4.330.615.243	7.075.300.514
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	122.241.577	126.090.563	386.626.871
4	Tài sản ngắn hạn khác	5.920.073.255	5.747.702.883	4.777.499.066
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	278.586.626.334	287.632.039.928	290.572.838.593
I	Các khoản phải thu dài hạn	4.672.873.314		
1	Thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	4.672.873.314	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
II	Tài sản cố định	32.413.143.425	33.535.527.307	33.661.868.383



1	Tài sản cố định hữu hình	25.445.488.599	26.492.139.413	26.348.377.337
	Nguyên giá	54.092.578.095	56.748.154.021	55.315.062.126
	Hao mòn lũy kế	-28.647.089.496	-30.256.014.608	-28.966.684.789
2	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
	Nguyên giá	-	-	-
	Hao mòn lũy kế	-	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	3.256.561.292	3.350.257.629	3.055.758.963
	Nguyên giá	3.556.726.876	3.884.226.876	3.853.926.876
	Hao mòn lũy kế	-300.165.584	-533.969.247	-798.167.913
4	Chi phí XDCB dở dang	3.711.093.534	3.693.130.265	4.257.732.083
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
	Nguyên giá	-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	241.435.631.528	254.096.512.621	256.901.966.633
1	Đầu tư vào công ty con	44.233.818.219	44.167.672.764	36.242.672.764
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	241.794.553.967	253.687.263.967	264.210.462.843
3	Đầu tư dài hạn khác	0	6.107.290.000	2.000.000.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	-44.592.740.658	-49.865.714.110	-45.551.168.974
V	Tài sản dài hạn khác	64.978.067	-	9.003.577
1	Chi phí trả trước dài hạn	64.978.067	-	9.003.577
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	521.484.510.154	597.563.833.616	609.817.251.392

Đơn vị tính: đồng

	NGUỒN VỐN	Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 31/12/2013
A	NỢ PHẢI TRẢ	58.285.988.845	103.638.537.289	102.432.927.616
I	Nợ ngắn hạn	57.313.100.943	103.638.537.289	102.432.927.616
1	Vay và nợ ngắn hạn	25.142.351.508	41.743.601.246	45.355.433.770
2	Phải trả người bán	5.246.789.594	19.344.479.920	8.037.386.526
3	Người mua trả tiền trước	2.627.696.726	3.260.779.092	1.314.581.894
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	3.239.355.870	7.501.286.438	32.094.283.549
5	Phải trả người lao động	11.952.475.664	19.877.993.551	5.499.226.971
6	Chi phí phải trả	866.569.752	812.743.287	908.757.295
7	Phải trả nội bộ	28.024.088	28.024.088	-
8	Phải trả theo tiến độ KH HĐ XD	-	-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp NH #	3.119.999.404	4.224.727.170	1.130.331.788



Phương án CPH Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV

10	Dự phòng phải trả ngắn hạn			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.089.838.337	6.844.902.497	8.092.925.823
II	Nợ dài hạn	972.887.902		
1	Phải trả dài hạn người bán			
2	Phải trả dài hạn nội bộ			
3	Phải trả dài hạn khác			
4	Vay và nợ dài hạn			
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	972.887.902		
7	Dự phòng phải trả dài hạn			
8	Doanh thu chưa thực hiện			
9	Quỹ phát triển khoa học và c/nghệ			
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	463.198.521.309	493.925.296.327	507.384.323.776
I	Vốn chủ sở hữu	463.167.752.227	493.925.296.327	507.384.323.776
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	363.151.869.472	391.522.039.142	391.772.039.142
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Vốn khác của chủ sở hữu			
4	Cổ phiếu quỹ			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.593.162.415		
7	Quỹ đầu tư phát triển	57.990.080.868	57.990.080.868	71.010.517.905
8	Quỹ dự phòng tài chính	24.309.134.750	28.564.611.112	28.564.611.112
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	3.141.632.521	3.141.632.521	3.141.632.521
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	12.981.872.201	12.706.932.684	12.895.523.096
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	30.769.082		
1	Nguồn kinh phí	30.769.082		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	521.484.510.154	597.563.833.616	609.817.251.392



6. Tình hình đầu tư vốn của Công ty mẹ vào các doanh nghiệp khác

Stt	Nội dung	Giá gốc đầu tư (đ)	Vốn chủ sở hữu tại đơn vị (đ)	Vốn tại đơn vị xác định lại (đ)	Chênh lệch (đ)
		<1>	<2>	<4>	<5=4-1>
I	Công ty con	36.242.672.764	17.731.484.949	19.899.000.000	(16.343.672.764)
II	Công ty LD	68.726.954.843	101.363.758.979	118.610.654.829	49.883.699.986
III	Đầu tư cty liên kết	195.376.218.000	251.977.815.112	293.996.552.109	98.620.334.109
IV	Đầu tư dài hạn khác	2.107.290.000	188.275.000	2.188.275.000	80.985.000
	Tổng cộng	302.453.135.607	371.261.334.040	434.694.481.937	132.241.346.330

Chi tiết Đầu tư vốn của Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV vào doanh nghiệp khác tại thời điểm xác định GTDN 31/12/2013 theo Phụ lục 6 đính kèm.

7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV tại thời điểm 31/12/2013 do đơn vị kiểm toán CPA_Hà Nội đánh giá lại, cụ thể:

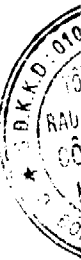
SỐ TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	585.378.441.808	815.614.109.671	230.235.667.864
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	287.114.015.201	488.482.900.664	201.368.885.462
1	Tài sản cố định	25.945.312.908	48.366.440.117	22.421.127.209
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	302.453.135.607	434.694.481.937	132.241.346.330
3	Chi phí XDCB dở dang	4.257.732.083	4.257.732.083	-
4	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	9.003.577	1.164.246.526	1.155.242.949
6	Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	-	-	-
7	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
8	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
9	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(45.551.168.974)	-	45.551.168.974
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	296.889.916.191	321.270.160.215	24.380.244.023
1	Tiền	24.187.275.855	24.190.288.580	3.012.725
+	Tiền mặt tồn quỹ	809.829.445	812.842.170	3.012.725
+	Tiền gửi ngân hàng	23.377.446.410	23.377.446.410	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.060.530.135	120.060.530.135	-



3	DP giảm giá đầu tư tài chính NH	-	-	-
4	Các khoản phải thu	83.779.909.650	83.779.909.650	-
5	Dự phòng phải thu khó đòi	(24.365.908.094)	-	24.365.908.094
6	Vật tư, hàng hoá tồn kho	88.958.956.241	80.783.699.121	(8.175.257.120)
7	DP giảm giá hàng tồn kho (*)	(8.185.680.956)	-	8.185.680.956
8	Tài sản lưu động khác	12.454.833.360	12.455.732.729	899.369
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	4.486.538.378	4.486.538.378
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	1.374.510.415	1.374.510.415	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	24.438.809.585	24.438.809.585	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	2.084.312.977	2.084.312.977	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	22.354.496.608	22.354.496.608	-
1	Công nợ không có khả năng thu hồi	22.354.496.608	22.354.496.608	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QŨY PL-KT	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	609.817.251.392	840.052.919.256	230.235.667.864
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)	585.378.441.808	815.614.109.671	230.235.667.864
	NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	102.432.927.616	102.435.939.816	3.012.200
E1	Trong đó: Giá trị QSD đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-<E1+E2>]	482.945.514.192	713.178.169.855	230.232.655.664

Theo Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2013 như sau:

- Tổng giá trị tài sản thực tế của Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên tại thời điểm 31/12/2013 để cổ phần hóa là: 815.614.109.671 đồng.
- Giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp là :713.178.169.855 đồng





- Giá trị thực tế phân vốn Nhà nước trên đã bao gồm các khoản cổ phiếu được thưởng (cổ tức mà công ty được chia không phải trả bằng tiền) mà công ty đã hạch toán vào doanh thu trước thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp.

- Giá trị thực tế phân vốn Nhà nước trên không bao gồm tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, các khoản công nợ không có khả năng thu hồi tổng giá trị là 24.438.809.584 đồng.

- Chưa bao gồm giá trị thuê đất đã trả 1 lần đối với thời gian thuê còn lại tại KCN Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, TP.HCM; Tổng công ty đang hoàn thiện hồ sơ để có căn cứ xử lý khi quyết toán vốn nhà nước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.

8. Những tồn tại tiếp tục phải giải quyết

- Khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM có diện tích 11.000m², thời hạn thuê đất đến năm 2053, đã trả tiền thuê 01 (một) lần; giá trị thuê đất đối với thời gian thuê còn lại 40 năm là 14.659.166.677 đồng chưa tính vào giá trị doanh nghiệp. Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định để làm căn cứ xử lý khi quyết toán vốn nhà nước thời điểm tổng công ty chuyển sang công ty cổ phần.

- Tiếp tục thoái vốn tại các đơn vị thua lỗ, không có hiệu quả để có cơ sở xử lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn thuộc các đơn vị mất hết vốn, lâm vào tình trạng phá sản. Tổng công ty đã đề nghị được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần.

1	CTCP XNK RQ Hải Phòng	1.129.490.000	Bán đấu giá thoái vốn không thành
2	CTCP CBTPXK Kiên Giang	1.500.000.000	Lỗ lớn hơn Vốn CSH, DN ngừng hoạt động
3	Công ty LD TNHH LUYECO	15.792.925.000	TCTy đã gửi đơn y/c mở thủ tục phá sản, đang làm thủ tục PSDN.
4	CTCP TPXK Hưng Yên	1.257.173.000	Đang gửi đơn y/c mở thủ tục phá sản
5	CTCP TPXK Bắc Giang	4.200.000.000	Bán đấu giá thoái vốn không thành. Thi hành án Bắc Giang đang thực hiện bán TSDN
6	CPCP NLS Hà Tĩnh	220.000.000	Phá sản DN.
	Cộng	24.099.588.000	

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ về đất đai và tài sản gắn liền với đất tại các cơ sở nhà đất của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

- Tại thời điểm thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản chưa có Biên bản quyết toán thuế 2014 của cơ quan thuế và đang trong quá



trình giải quyết về tồn tại nợ thuế với cơ quan thuế và hải quan, do vậy giá trị doanh nghiệp có thể điều chỉnh theo quyết toán thuế của cơ quan thuế, cơ quan hải quan. Số liệu điều chỉnh (nếu có) sẽ được xử lý vào giai đoạn từ thời điểm quyết định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

- Tiếp tục tham gia giải quyết các việc liên quan đến phá sản doanh nghiệp của các đơn vị thành viên liên quan đến vốn, nợ với Tổng công ty; rủi ro tiềm tàng phát sinh từ các khoản bảo lãnh (tổng số ~ 34 tỷ đồng) tại các đơn vị trước đây Tổng công ty có bảo lãnh; rủi ro từ các hợp đồng mua bán, ký gửi, gửi vật tư hàng hóa để gia công. (Công ty LD TNHH Luveco, Công ty CP TPXK Hưng Yên, Công ty CP nông lâm sản Hà Tĩnh, Công ty XNK NS và TPCB Đà Nẵng, ...)

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi công nợ, giải quyết các khoản công nợ khó đòi không đủ điều kiện loại ra khi xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước để cổ phần hóa, các tranh chấp tồn tại, ...

TT	Nội dung	Số 31/12/2014 (chưa xử lý sau kiểm kê)
1	CÔNG NỢ TỒN DỌNG LÂU NĂM, KHÔNG ĐỦ HỒ SƠ, QUÁ HẠN, ...	~ 12,35 tỷ đồng
4	VẬT TƯ NẬP, LỘ THỦY TINH (vật tư cũ tồn đọng, có tranh chấp, ...)	~ 4.64 tỷ đồng

Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả còn lại chưa được đối chiếu xác nhận, Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu xác nhận và chịu trách nhiệm về các khoản công nợ phải thu phải trả.



PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ

Tổ chức, sắp xếp lại Tổng công ty theo mô hình hoạt động công ty cổ phần. Trở thành doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ rau hoa quả, nông sản an toàn, chất lượng cao, phát triển bền vững; thể hiện được vai trò của doanh nghiệp lớn trong định hướng phát triển hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh rau quả, nông sản, phát triển dịch vụ giống cây trồng, hoa tươi, các lĩnh vực phụ trợ khác như kinh doanh kho bãi và dịch vụ, ...

Thu hút các cổ đông chiến lược có năng lực về tài chính, kỹ thuật cao, công nghệ mới, năng lực quản trị và điều hành; sẵn sàng hợp tác lâu dài, bền vững trên cơ sở tin tưởng và cùng phát triển để phát huy các điểm mạnh, khắc phục các hạn chế, mở ra các cơ hội phát triển mới, tăng cường các yếu tố giá trị gia tăng nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ, mở rộng nghiên cứu phát triển và đầu tư khai thác hiệu quả triệt để các tiềm năng cơ sở vật chất và nguồn lực của Tổng công ty.

Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Tổng công ty, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.

Tiếp tục sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh lành mạnh và năng động để khuyến khích tăng năng suất, tạo động lực phát triển và thu nhập cho người lao động.

Dưa cổ phiếu của Tổng công ty trở thành hàng hóa hấp dẫn và giao dịch tốt trên thị trường chứng khoán.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ chỉ đạo của BCDCPH (*kết luận của thứ trưởng Hà Công Tuấn -Trưởng Ban chỉ đạo CPH Công ty mẹ-Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH một thành viên tại văn bản số 746/TB-BNN-QLDN ngày 23/01/2015 và kết luận tại cuộc họp ngày 13/3/2015*), hình thức cổ phần hóa của Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên là: Bán toàn bộ vốn nhà nước (theo quy định tại khoản 3 điều 4 nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần).



2. Thông tin doanh nghiệp công ty cổ phần

- Tên gọi đầy đủ : TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN.
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt Nam: TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN-CTCP.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL VEGETABLE FRUIT AND AGRICULTURAL PRODUCT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY.
- Tên giao dịch viết tắt: VEGETEXCO VIETNAM
- Trụ sở chính số 02 Phạm Ngọc Thạch - phường Kim Liên - quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 04 3 8524503 ; Fax: 04 3 8523926
Email: vegetexcovn@fpt.vn ;
website: <http://www.vegetexcovn.com.vn>.
- Đăng ký kinh doanh: tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- Biểu tượng (LOGO)



3. Ngành nghề kinh doanh Tổng công ty cổ phần

Có danh mục cụ thể dự kiến ngành nghề chi tiết kèm theo tại Phụ lục 2 đính kèm, trong đó khái quát cơ bản:

a) Ngành nghề kinh doanh chính :

- Trồng cây có hạt, cây ăn quả, rau quả, nông sản, hoa, giống cây trồng các loại (lương thực, nông sản, rau quả, hoa, ...);
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh giống cây trồng các loại, rau, hoa, quả và nông sản; các sản phẩm thực phẩm các loại và đồ uống.
- Xuất, nhập khẩu các loại hạt giống rau và một số giống cây trồng sản xuất trong nước và nước ngoài.
- Xuất nhập khẩu kinh doanh tổng hợp (nông lâm thủy sản, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, ...)
- Dịch vụ nông nghiệp: khảo nghiệm, kiểm nghiệm, dịch vụ kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng giống cây trồng; dịch vụ và kinh doanh vật tư nông nghiệp,...



b) Ngành nghề kinh doanh có liên quan phục vụ trực tiếp ngành nghề kinh doanh chính :

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty (bao gồm cả các loại thiết bị, vật tư, hàng hóa phục vụ vùng nguyên liệu, chế biến rau quả, nông sản).

- Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì carton, hộp sắt, lon nhôm.

- Kinh doanh dịch vụ vận tải, kho hàng, giao nhận hàng hóa.

- Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, cho thuê văn phòng, KD dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch và đại lý du lịch.

4. Cơ cấu tổ chức bộ máy

- Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị

- Ban Kiểm soát

- Ban Điều hành

- Văn phòng Công ty mẹ

- Các đơn vị phụ thuộc

- Các công ty con

- Các đơn vị liên doanh, liên kết.

(Sơ đồ kèm theo)

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng công ty, nhằm đồng thời thực hiện kế hoạch tái cấu trúc là một trong mục tiêu thuộc phương án cổ phần hóa và ổn định hoạt động kinh doanh phù hợp với phương án sắp xếp và xử lý lao động của TCT, Tổng công ty Rau quả, nông sản xây dựng mô hình tổ chức mới theo định hướng như trên và trình bày đặc điểm thay đổi trong sơ đồ cơ cấu tổ chức của TCT sau khi cổ phần hóa như sau:

▪ Khôi kinh doanh, chi nhánh phụ thuộc:

- Sắp xếp lại 05 phòng kinh doanh hiện tại thành 04 phòng Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, và tiếp tục sắp xếp cho phù hợp và hiệu quả.

- Sắp xếp lại Chi nhánh TCTy - Công ty Giống Rau quả Trung ương, tiến tới chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Sắp xếp lại Chi nhánh TCTy Công ty chế biến Điều và Nông sản Vegetexco, tiến tới chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Hình thành mới Chi nhánh Vegetexco Khách sạn – Dịch vụ nhằm mục đích quản lý khai thác công trình khách sạn tại 58 Lý Thái Tổ (Hà Nội) và kinh doanh các dịch vụ khác (tiến tới thành lập Công ty cổ phần khách sạn Vegetexco).

- Chuyển đổi Cty TNHH 2 thành viên Chipsgood Vegetexco thành Công ty cổ phần.

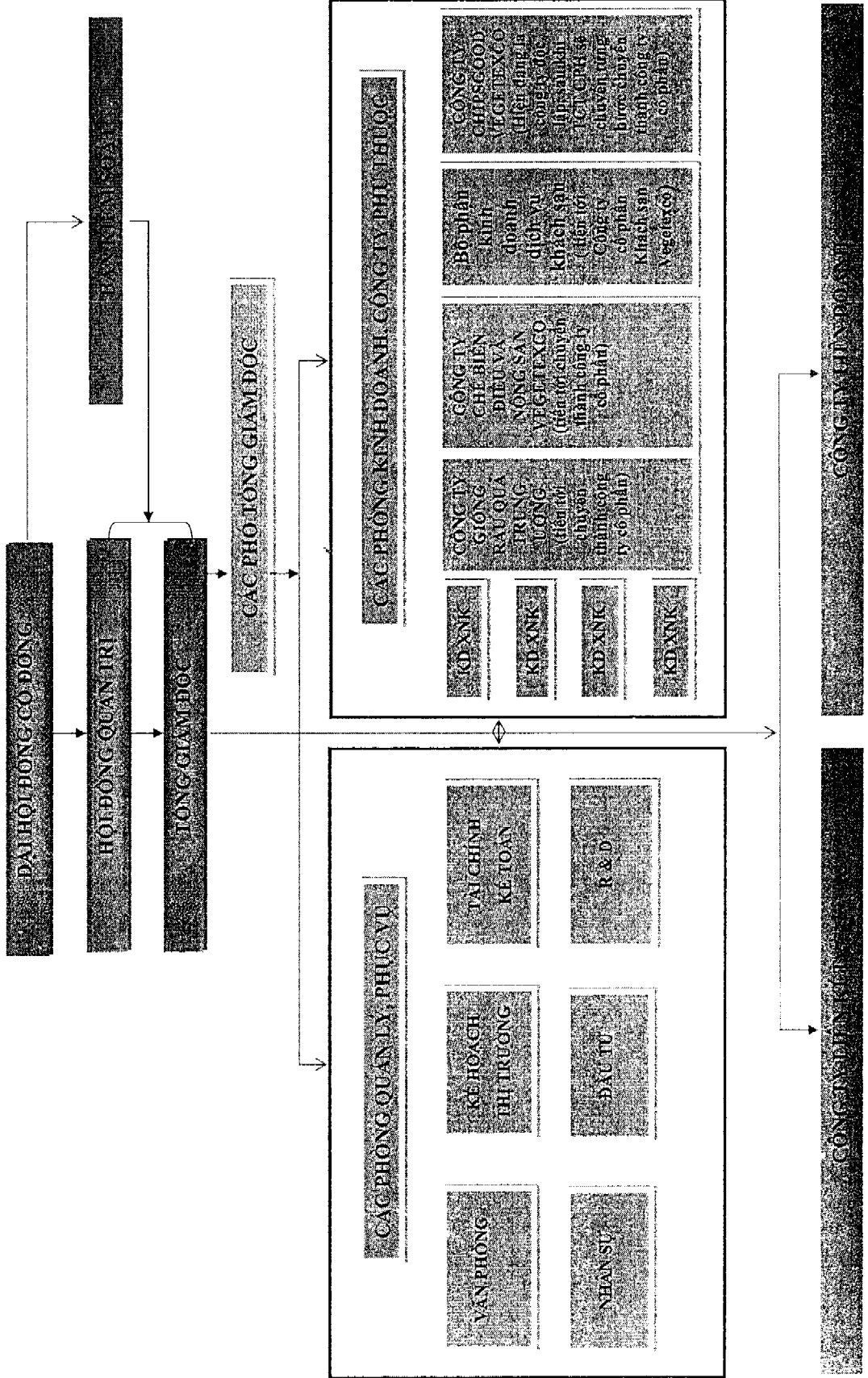


▪ **Khôi quản lý và phục vụ:**

- Thành lập phòng quản lý đầu tư tiền thân là Phòng Tư vấn đầu tư – Xúc tiến thương mại trong cơ cấu tổ chức hiện tại nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:
 - ✓ Đầu tư dự án mới, gồm thực hiện đầu tư vào các dự án hiện có của TCTy, các Công ty con, liên kết; tìm kiếm các dự án mới.
 - ✓ Quản lý triển khai các dự án trong giai đoạn đầu tư XDCB.
 - ✓ Xây dựng phương án tổ chức khai thác.
 - Thành lập Phòng Kế hoạch Thị trường tiền thân là phòng Kế hoạch tổng hợp trong cơ cấu tổ chức hiện tại và bổ sung chức năng xúc tiến thương mại của phòng Tư vấn đầu tư - Xúc tiến thương mại nhằm tạo sự liên kết trong việc hoạch định kế hoạch dài hạn, ngắn hạn với việc xúc tiến các giải pháp tiêu thụ sản phẩm qua các kênh đa dạng.
 - Bổ sung chức năng quản lý danh mục đầu tư cho Phòng Kế toán tài chính. Trong tương lai khi công tác đầu tư tài chính phát triển có thể thành lập bộ phận quản lý đầu tư tài chính riêng biệt.
 - Thành lập mới 02 phòng: Tổ chức - Nhân sự và Văn phòng trên cơ sở tách các chức năng hành chính và chức năng tổ chức nhân sự hiện có của phòng TCHC trong cơ cấu tổ chức hiện tại.
 - Thành lập mới Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) trên cơ sở Trung tâm KCS trong cơ cấu tổ chức hiện tại, nhằm mục tiêu tập trung vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phục vụ nhu cầu sản xuất XK cũng như tiêu thụ trong nước.
- **Công ty con.**
- **Công ty liên kết.**
- **Công ty liên doanh.**



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN





5. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2013.

Theo Quyết định số 4291/QĐ-BNN-QLDN ngày 07/10/2014 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV để cổ phần hóa (tại thời điểm 31/12/2013), như sau:

- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa là: **815.614.109.671 đồng.**
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là : **713.178.169.855 đồng.**

(Khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM có diện tích 11.000m², thời hạn thuê đất đến năm 2053, đã trả tiền thuê 01 (một) lần; giá trị thuê đất đối với thời gian thuê còn lại 40 năm là 14.659.166.677 đồng chưa tính vào giá trị doanh nghiệp. Tổng công ty Rau quả Nông sản tiếp tục hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định để làm căn cứ xử lý khi quyết toán vốn nhà nước thời điểm tổng công ty chuyển sang công ty cổ phần).

6. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

6.1. Quy mô Vốn điều lệ:

Căn cứ quy mô hoạt động, quy mô tổng tài sản và kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá, trên cơ sở cân nhắc chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn vay, quy mô vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản sau khi chuyển thành công ty cổ phần được lựa chọn là 713.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười ba tỷ đồng chẵn) tương đương 71.300.000 cổ phần (Bảy mươi một triệu, ba trăm ngàn cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng / cổ phần.

Phần chênh lệch 178.169.855 đồng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp với mức vốn điều lệ công ty cổ phần sẽ được quyết toán chuyển trả Nhà nước trên cơ sở kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước theo quy định.

6.2. Cơ cấu vốn điều lệ, Phương thức bán cổ phần, Xác định Giá khởi điểm:

Điểm b, Khoản 2, Điều 36 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP "Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư khác không thấp hơn 25% vốn điều lệ, ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này. Số cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác không thấp hơn 50% số cổ phần nêu trên. Đối với các doanh nghiệp quy mô lớn có vốn nhà nước trên 500 tỷ đồng hoạt động kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề đặc thù (như: bảo hiểm, ngân hàng, bưu chính viễn thông, hàng không, khai thác than, dầu khí, khai thác mỏ quý hiếm khác) và các công ty mẹ thuộc các Tập đoàn kinh tế. Tổng



công ty nhà nước thì tỷ lệ cổ phần đầu giá bán cho các nhà đầu tư do Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan được Thủ tướng chính phủ ủy quyền xem xét, quyết định cụ thể.”

Căn cứ kết luận chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản-Công ty TNHH một thành viên tại thông báo số 746/TB-BNN-QLDN ngày 23/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Kết luận của cuộc họp BCĐCPII ngày 13/3/2015, BCĐCPII đã chỉ đạo Tổng công ty xây dựng phương án bán toàn bộ vốn nhà nước (tỷ lệ nắm giữ của nhà nước là 0%), trong đó ngoài phần bán cho người lao động và công đoàn đăng ký theo quy định, tỷ lệ bán cho nhà đầu tư chiến lược là 60%VDL, phần còn lại bán đầu giá công khai cho các nhà đầu tư khác theo quy định.

Căn cứ số lượng cổ phần được bán cho người lao động theo quy định, đăng ký mua cổ phần của tổ chức công đoàn.

Căn cứ hiện nay có 03 các nhà đầu tư đã gửi hồ sơ đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược của công ty cổ phần với nguyện vọng muốn mua số lượng 80% vốn điều lệ (Công ty CP tập đoàn T&T đăng ký mua 50%VDL; Công ty CP Công ty CP XNK Thủ công mỹ nghệ (Artexport Hà Nội) đăng ký mua 15%VDL; Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn-Hà Nội (BSII) đăng ký mua 15%VDL).

Trên cơ sở chỉ đạo của BCD CPHI về việc bán toàn bộ vốn nhà nước, bán cho nhà đầu tư chiến lược 60%VDL, Tổ giúp việc cổ phần hoá xây dựng cơ cấu vốn điều lệ dự kiến theo phương án dưới đây trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cơ cấu vốn cổ phần lần đầu, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, lựa chọn NĐTCL và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược, số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư khác . Cụ thể :

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Mệnh giá (đ)	Giá trị (đ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
1	Nhà nước	-	10.000	-	0%
2	Người lao động	850.200	10.000	8.502.000.000	1,19%
3	Công đoàn	-	10.000	-	0%
4	Nhà đầu tư thông thường (IPO)	27.669.800	10.000	276.698.000.000	38,81%
5	Nhà đầu tư chiến lược. Trong đó:	42.780.000	10.000	427.800.000.000	60,00%
5.1	Công ty CP Tập đoàn T&T	24.955.000	10.000	249.550.000.000	35,00%
5.2	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn-Hà Nội (BSII)	10.695.000	10.000	106.950.000.000	15,00%
5.3	Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ.	7.130.000	10.000	71.300.000.000	10,00%
	Tổng cộng:	71.300.000	10.000	713.000.000.000	100,00%



Cụ thể như sau:

Cổ phần bán cho người lao động

Việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động với công ty cổ phần, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động với giá trị của Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản.

Phương pháp và quy mô chào bán cho người lao động:

Phương pháp chào bán: chào bán trực tiếp.

Quy mô chào bán:

+ Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 328 người.

+ Tổng số lao động không đủ 1 năm làm việc trong khu vực nhà nước: 53 người

+ Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi: 273 người, tổng số cổ phần được mua ưu đãi 341.300 cổ phần.

+ Tổng số lao động đủ điều kiện cam kết mua thêm (diện 200 cp/người/năm công tác) 198 người, tổng số cổ phần được mua 377.400 cổ phần.

+ Tổng số lao động là chuyên gia giỏi mua thêm (diện 500 cp/người/năm công tác): 33 người, tổng số cổ phần được mua 131.500 cổ phần.

Danh sách người lao động, số lượng cổ phần và tiêu chí bán cổ phần ưu đãi cho người lao động chi tiết theo Phụ lục 05 đã được thông qua tại Biên bản Hội nghị người lao động ngày 19/01/2015, ngày 21/01/2015, ngày 06/02/2015 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV thông qua Phương án cổ phần hóa và đã công khai cho người lao động.

Cổ phần bán cho Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP "Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hoá (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hoá được Đại hội cán bộ công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hoá uỷ quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hoá là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định này"

Tổ chức Công Đoàn Công ty không đăng ký tham gia mua cổ phần.



Cổ phần bán cho nhà đầu tư thông thường bên ngoài (IPO)

Quy mô chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài theo hình thức đấu giá công khai: căn cứ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá.

Phương pháp chào bán:

- Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải được tuân thủ chặt chẽ các quy chế và yêu cầu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành.

- Đối tượng tham gia đấu giá: các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài khi mua cổ phần: theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thời gian bán đấu giá: trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày phương án cổ phần hoá Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản - Công ty TNHH ITV được phê duyệt.

Xác định giá khởi điểm

Giá khởi điểm được xác định trên cơ sở:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp;

- Thị trường chứng khoán hiện nay không sôi động như kỳ đầu, dư bán cao do lượng hàng hóa rất lớn và phong phú từ việc hàng loạt các doanh nghiệp nhà nước phải hoàn thành chuyển đổi sang công ty cổ phần trong năm 2015.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp, kinh doanh rau quả nông sản hiện nay cũng như dự đoán trong vài năm tới có khả quan hơn song vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Căn cứ các phương pháp xác định giá khởi điểm theo Phụ lục 04 đính kèm.

Tổng công ty xây dựng giá bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư bên ngoài với **giá khởi điểm dự kiến là 10.050 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)**. Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định theo quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - TCT Rau quả Nông sản - Công ty TNHH ITV.

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Quy mô chào bán : căn cứ chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá (60%VDL).

Mục tiêu chào bán:

Hỗ trợ và đồng hành cùng công ty cổ phần thực hiện các mục tiêu:



- Đổi mới công nghệ và sản phẩm, dịch vụ của công ty cổ phần đạt tiêu chuẩn chuyên nghiệp;

- Nâng cao năng lực hiệu quả quản lý doanh nghiệp và tăng cường sức cạnh tranh của công ty cổ phần trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, gắn với thị trường vốn, thị trường chứng khoán;

- Xây dựng công ty cổ phần Vegetexco Vietnam xứng tầm thương hiệu hàng đầu về kinh doanh rau, hoa quả và nông sản của Việt nam;

- Giúp công ty cổ phần tăng cường năng lực tài chính.

Tiêu chí NĐTCL, NĐTCL, Phương pháp chào bán: quy định ở phần dưới đây.

6.3. Dự kiến tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

Theo Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần "*Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm*".

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với Tổng công ty dự kiến như sau:

- Nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài là các tổ chức, đáp ứng đầy đủ các qui định nhà đầu tư chiến lược tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Ưu tiên Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu rau quả, nông sản, có kinh nghiệm từ 05 năm trở lên trong lĩnh vực này tại thời điểm đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược.

- Có năng lực quản lý, năng lực tài chính, có báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật và không vi phạm pháp luật (không có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm pháp luật).

Trình Ban chỉ đạo xem xét tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cho công ty cổ phần để trình Cấp có thẩm quyền quyết định.



6.4. Danh sách nhà đầu tư đăng ký tham gia Nhà đầu tư chiến lược:

Hiện tại Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH ITV nhận được hồ sơ của 03 đơn vị đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược (kèm theo tại Phụ lục), cụ thể các đơn vị như sau:

6.4.1 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN T&T

Tên viết tắt: T&T GROUP JSC

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: T&T GROUP JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 18, phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (04) 3972 1776 /3972 1777 /3972 1779

Website: www.ttgroup.com.vn

Vốn điều lệ: 2.500 tỷ đồng Việt nam

- Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh sản phẩm cơ khí, điện tử, điện máy

- Sản xuất phụ tùng linh kiện lắp ráp, sửa chữa, xe hai bánh gắn máy

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm văn phòng, đồ gia dụng, dân dụng, hàng tiêu dùng...

(Giấy chứng nhận đăng ký DN công ty cổ phần

- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh tài chính: Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Quản lý quỹ.

MSDN:0100233223, - Thăm dò, Khai thác, Chế biến, kinh doanh Khoáng sản.

đăng ký lần đầu ngày 30/11/2007, thay đổi

lần 13 ngày 31/12/2014) - Xây dựng Công trình Công nghiệp, Dân dụng, Giao thông thủy lợi

- Sản xuất các loại Ống nhựa Công nghiệp, Khung, Cửa nhựa cao cấp.

- Xuất nhập khẩu (xemay-moto, nước uống collagel, rượu vang, cá tra và cá basa, cao su, thức ăn chăn nuôi, sản và tinh bột sắn, ...)

- Chế biến và bảo quản rau quả..

Số cổ phần đăng ký mua: 35.650.000 cổ phần (50% vốn điều lệ)

Chủ tịch HĐQT: Ông Đỗ Quang Hiển.

Tổng giám đốc: Ông Đỗ Quang Hiển.



6.4.2 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Tên viết tắt: ARTEXPORT HANOI.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANDICACRAFT AND ART ARTICLES EXPORT-IMPORT CORPORATION.

Trụ sở chính: Số 02 phố Phạm Sư Mạnh, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt nam

Điện thoại: (04) 38265438

Website: Website: <http://www.artexport.com.vn>

Vốn điều lệ: 92,742 tỷ đồng Việt nam

Hình thành từ năm 1964, Artexport được biết đến là một trong những Công ty xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ lớn của Bộ Thương mại. Sau 40 năm hoạt động tích cực trong lĩnh vực kinh doanh để xây dựng hình ảnh về một Artexport vững mạnh, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần hoá theo quyết định số 1424/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 của Bộ Thương Mại”.

Kinh doanh xuất nhập khẩu (trực tiếp, uỷ thác) hàng thủ công mỹ nghệ nguyên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị các loại (thi công xây dựng ngành điện, văn phòng, trang thiết bị dụng cụ y tế) vật liệu xây dựng, nội thất, hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấm) , hàng tiêu dùng, hàng nông, lâm, hải sản, khoáng sản (trừ loại nhà

Lĩnh vực kinh doanh: nước cấm), hàng thủ công mỹ nghệ, dệt may, hàng da.

(Giấy chứng nhận Sản xuất và gia công chế biến các sản phẩm gỗ mỹ nghệ, thuê đăng ký DN công ty ren các hàng hoá tiêu dùng

cổ phần Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về MSDN:0100107356, giá đất), cho thuê văn phòng và nhà ở, kho bãi, nhà xưởng sản xuất

18/01/2005, thay đổi Kinh doanh dịch vụ đại lý bán hàng hoá cho các nhà sản xuất lần 12 ngày thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm thủ công mỹ nghệ ở trong (07/04/2014) và ngoài nước theo quy định của pháp luật

Kinh doanh phương tiện vận tải

Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh

Mua bán sắt thép phế liệu, kim loại màu làm nguyên liệu cho sản xuất (trừ loại nhà nước cấm)

Số cổ phần đăng ký mua: 10.695.000 cổ phần (15 % vốn điều lệ)



Chủ tịch HĐQT:

Tổng giám đốc: Ông Vũ Trọng Tuấn.

6.4.3 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tên viết tắt: BSH

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Sai Gon - Hanoi Insurance Corporation

Trụ sở chính: tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm SXTTCN&CNN,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 793 1111

Website: <http://www.bsbc.com.vn>

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng Việt Nam

Giấy phép thành lập và hoạt động số 56 GP/KDBH ngày 10/12/2008 của Bộ Tài chính. Giấy phép điều chỉnh số 56/GPDC12/KDBH ngày 20/8/2013 của Bộ Tài chính

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động
Lĩnh vực kinh doanh đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất; giám định tổn thất, đại lý
chính: giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường; đầu tư vốn và
các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Số cổ phần đăng ký
mua: 10.695.000 cổ phần (15 % vốn điều lệ)

Chủ tịch HĐQT: Ông Đỗ Quang Hiền

Tổng giám đốc: Ông Đỗ Văn Hải

Trình Ban chỉ đạo xem xét, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cho công ty cổ phần; thỏa thuận với nhà đầu tư về các cam kết cụ thể, tỷ lệ được mua, giá và phương thức mua (các nhà đầu tư đăng ký vượt hơn so với số bán ra thì thực hiện đấu giá theo quy định) để trình Thủ tướng chính phủ quyết định.

Xác định giá chào bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược do Ban chỉ đạo Cổ phần hoá thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là sau khi thực hiện đấu giá công khai chào bán ra công chúng (IPO).



Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được phê duyệt trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Phương án cổ phần hoá được phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

Quy định về hạn chế chuyển nhượng : "Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp".

7. Kế hoạch quản lý và sử dụng tiền bán phần vốn Nhà nước

Theo điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa là bán toàn bộ phần vốn Nhà nước, ước tiền thu từ đợt chào bán cổ phần giá trị tương ứng với số cổ phần chào bán tính theo giá sàn, phần thặng dư vốn được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và thực hiện chính sách với người lao động dôi dư theo quy định hiện hành. Số tiền thu từ bán phần vốn nhà nước còn lại được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Dự kiến tiền thu từ phát hành cổ phần:	716.565.000.000
1.1	Phát hành cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên	8.544.510.000
1.2	Phát hành cổ phần cho tổ chức công đoàn	-
1.3	Phát hành cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	429.939.000.000
1.4	Phát hành cổ phần cho cổ đông khác	278.081.490.000
2	Tổng các khoản chi phí:	3.761.486.250
2.1	Chi phí cổ phần hóa dự kiến:	1.420.000.000
2.2	Chi phí chi trả trợ cấp cho lao động thôi việc, mất việc dự kiến:	2.341.486.250
3	Tiền thu từ bán phần vốn nhà nước:	712.803.513.750

8. Thời gian và tổ chức bán đấu giá cổ phần

8.1. Thời gian bán cổ phần.

- Thời gian bán cổ phần trong vòng **45 ngày** kể từ ngày được Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa .

- Thời hạn hoàn thành việc bán cổ phần trong vòng **90 ngày** kể từ ngày phê duyệt Phương án cổ phần hóa được phê duyệt.



8.2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

- Tên tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: **Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

9. Dự toán chi phí cổ phần hóa:

Chi phí cổ phần hóa được lập theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Tổng chi phí cổ phần hóa dự kiến 1.420.000.000 VNĐ (theo văn bản số 1738/BNN-QLDN ngày 03/06/2014 của Bộ NN&PTNT).

10. Phương án sắp xếp lại lao động

Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 328 người. TCTy xây dựng phương án sắp xếp lại lao động, trong đó:

- Có 302 lao động sẽ chuyển sang làm việc tại CTCP.
- Có 02 lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành, 01 lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ.
- Có 23 lao động không bố trí được công việc tại CTCP thuộc diện lao động thôi việc, mất việc và thực hiện giải quyết chế độ.

Cụ thể như sau:

10.1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Không tính số lao động về hưu, chấm dứt hợp đồng, lao động thôi việc / mất việc, số lao động còn hạn hợp đồng lao động sẽ chuyển sang làm việc tại TCTy là 302 người và được phân bổ theo cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa. Trong đó, số lao động đang nghỉ chế độ và tạm hoãn hợp đồng lao động như sau:

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng (người)
1	Số lao động còn hạn HĐLĐ sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	302
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	1
	Ôm đau	
	Thai sản	1
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động, chia ra:	0
	Nghĩa vụ quân sự	
	Nghĩa vụ công dân khác	
	Bị tạm giam, tạm giữ	
	Do TCT và người lao động thỏa thuận (không quá 3 tháng)	

10.2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần:



Tổng Công ty có 302 lao động sẽ tiếp tục làm việc và chuyển sang CTCP, kế hoạch cụ thể như sau:

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng
1	Tổng số lao động	302
2	Phân theo trình độ lao động	
	Đại học và trên đại học	95
	Trung cấp và Cao đẳng	23
	LD Phổ thông	152
	Công nhân, sơ cấp	32
3	Phân theo hợp đồng lao động	
	Không thuộc đối tượng ký HDLD	9
	HDLD không thời hạn	194
	HDLĐ từ 1 đến 3 năm	46
	Lao động mùa vụ hoặc HDLD dưới 12 tháng	53

10.3. Kế hoạch xử lý lao động thôi việc, mất việc

Căn cứ Khoản 5, Điều 10 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu, việc giải quyết chế độ lao động dôi dư được thực hiện theo nguyên tắc một lần đối với cán bộ công ty. Theo đó, TCT đã thực hiện giải quyết lao động dôi dư theo Nghị định 41/2004/NĐ-CP năm 2006. Vì vậy, việc giải quyết chế độ cho lao động thôi việc, mất việc của TCT khi cổ phần hóa không thuộc đối tượng theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP mà sẽ giải quyết theo Bộ luật Lao động và các quy định khác có liên quan. Cụ thể :

STT	Đối tượng người lao động	Số lượng
1	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.	26
2	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	02
	Theo Nghị định số 67/2010/NĐ-CP	
	Theo Nghị định số 152/2006/NĐ-CP	
	Theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP	
3	Số lao động sẽ chấm dứt HDLD, chia ra:	24
	Hết hạn hợp đồng lao động	-



Chăm dứt HDLD	01
Không bố trí được việc làm	23
Viên chức quản lý thôi việc	-

▪ Dự kiến kinh phí chi trả trợ cấp lao động mất việc, thôi việc theo Bộ luật Lao động là: 2.341.486.250 đồng. Dự toán chi tiết theo phụ lục 7 đính kèm.

▪ Căn cứ Bộ Luật Lao động sửa đổi năm 2012 đã bỏ quy định: Các doanh nghiệp phải trích lập quỹ dự phòng mất việc làm, vì kể từ ngày 01/01/2009 đã có Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp thì Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp mới được thành lập được hơn 7 năm, trong khi đó các lao động mất việc, thôi việc của Tổng công ty có thời gian công tác trung bình trên 25 năm (nhiều lao động có thời gian công tác gần 40 năm) công hiến cho các cơ quan trong khu vực nhà nước, đồng thời trong số này có nhiều lao động từ bộ đội, công an chuyển ngành. Tại thời điểm cổ phần hóa, Quỹ hỗ trợ mất việc làm của Tổng công ty không còn, vì vậy để đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động mất việc, thôi việc, Tổng công ty kính đề nghị nguồn kinh phí giải quyết cho người lao động mất việc và thôi việc từ tiền thu bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

▪ Trợ cấp cho lao động nghỉ hưu: đã trả cho người lao động theo chế độ nghỉ hưu.

10.4. Kế hoạch tiền lương, lao động của TCT 2015 – 2016 – 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017
1	Tổng số lao động	Người	302	311	321
2	Quỹ tiền lương kế hoạch	Triệu đồng	28.099	30.283	32.820
3	Thu nhập bình quân	trđ/người/tháng	7,73	8,11	8,52

11. Phương án sử dụng đất đai

11.1. Cơ sở nhà đất tại Thành phố Hà Nội

- Cơ sở nhà đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội:

+ Diện tích đất: 1.969 m², diện tích sàn xây dựng: 3.950m².

+ Hợp đồng thuê đất 64/2006/TNMTND-HDTDTN, Giấy Chứng nhận QSD Đất số AB 180637 (04/04/2006).

+ Phương thức thuê đất dài hạn và trả tiền thuê đất hàng năm.

+ Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.

+ Mục đích và Phương án sử dụng sau CPH: Trước mắt tiếp tục làm trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất kinh doanh. Kế hoạch tiếp theo từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 sẽ xây dựng khu phức hợp văn phòng làm việc, khu dịch vụ thương mại và nhà ở.



- Cơ sở nhà đất tại 58 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- + Diện tích đất: 404 m² ; diện tích sàn xây dựng: 2.500m².
- + Hợp đồng thuê đất 61-08/HDTĐTN, Giấy Chứng nhận QSD Đất số ΛĐ 692357 (01/9/2008). Mục đích sử dụng: làm khách sạn.
- + Phương thức thuê đất dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: Tiếp tục cải tạo thành khách sạn để kinh doanh theo đúng quy hoạch của Thành phố Hà nội và đúng phương án tái cơ cấu đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt. .

- Cơ sở nhà đất tại Cầu Diễn Xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội (kho Cầu Diễn).

- + Diện tích đất: 11.221 m². Diện tích sàn xây dựng: 3.360m².
- + Giấy sử dụng đất số 4802/XD-UB ngày 09/11/1987.
- + Phương thức thuê đất lâu dài và trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm kho chứa hàng hóa và kinh doanh kho bãi .

- Cơ sở nhà đất tại Phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội (kho Cầu Tiên).

- + Diện tích đất: 994 m². Diện tích sàn xây dựng: 600m².
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 007576 ngày 15/9/1990.
- + Phương thức thuê đất lâu dài và trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất với giá ổn định lâu dài theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm kho chứa hàng hóa nông sản. Kế hoạch từ 3 đến 5 năm sau CPH sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng thành xây dựng khu nhà phức hợp Văn phòng làm việc, trung tâm thương mại và nhà ở cao tầng.

- Cơ sở nhà đất tại xã Liên Phương, huyện Thường Tín, Hà Nội (Trại giống rau và Trung tâm rau hoa quả Thường Tín).

- + Diện tích đất: 49.045 m². Diện tích sàn xây dựng: 15.398,49m².



+ Hiện trạng quản lý, sử dụng: 46.987m² đất SXKD, 2.058 m² đất đã bố trí làm nhà ở.

+ Đang làm thủ tục bàn giao 2.058m² đất có nhà ở về địa phương theo quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất của UBND TP. Hà Nội. Đối với diện tích 46.987m² tiếp tục thuê với hình thức thuê đất lâu dài và trả tiền hàng năm.

+ Tiếp tục làm việc với các ban ngành chức năng của TP. Hà nội (Sở TNMT, TC) để ký hợp đồng thuê đất theo giá ổn định chuyển mục đích sử dụng và chuyển quyền thuê đất sang Công ty Cổ phần khi đủ điều kiện.

+ Mục đích và Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh, cho thuê kho bãi.

11.2. Cơ sở nhà đất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở nhà đất tại Đường số 7, Khu CN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

+ Diện tích đất: 11.000 m². Hợp đồng thuê QSD đất số 103/HĐ-TQSDĐ-2006 ngày 12/09/2006 và phụ lục. Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD trong KCN, Thuê dài hạn, đã trả tiền thuê đất 01 lần đến ngày 30/08/2053. Đang cho Công ty LD TOVECAN (đơn vị Liên doanh với TCTY) thuê làm cơ sở sản xuất kinh doanh để chuyển nhà máy hộp sắt từ địa điểm cũ về KCN Vĩnh Lộc (Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất ngày 17/9/2007 và phụ lục).

+ Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: Hoàn thiện giấy tờ đất đai, đưa vào giá trị doanh nghiệp khi xác định lần 2. Tiếp tục cho đối tác liên doanh thuê theo hợp đồng

11.3. Cơ sở nhà đất tại tỉnh Nam Định.

- Cơ sở nhà đất tại Số 8 đường Thanh Bình, P. Hà Long, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định.

+ Diện tích đất: 7.261 m². Diện tích sàn xây dựng: 980,2 m²

+ Hợp đồng thuê đất 25-2001/HĐ-TĐ ngày 08/01/2001, GCN QSDĐ số 548564 ngày 17/01/2001. Mục đích sử dụng: đất cơ sở SXKD. Thuê dài hạn, trả tiền hàng năm.

+ TCTY nhận bàn giao từ Nhà máy TPXK Nam Hà (đã giải thể). Năm 2009 TCTY đã thực hiện việc kê khai hiện trạng sử dụng đất theo yêu cầu của Đoàn công tác liên ngành (QĐ 09 TTg Chính phủ). Đang hoàn thiện hồ sơ đất đai.

+ Phương án sử dụng sau cổ phần hóa: bàn giao cho DATC (tài sản không cần dùng khi chuyển sang công ty cổ phần).

11.4. Cơ sở nhà đất tại tỉnh Bình Phước.



- Cơ sở nhà đất tại Ấp 1, Xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng.

- + Diện tích đất: Thửa 1: 10225m²; Thửa 2: 27.966m².
- + GCNQSDĐ 1 số BA038199 ngày 15/7/2010, GCNQSDĐ 2 số BA038200 ngày 15/7/2010, QĐ 1670/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của UBND tỉnh Bình Phước.
- + Hình thức thuê đất lâu dài, đã trả tiền 1 lần.
- + Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt phương án sử dụng đất sau Cỏ phân hoá
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cỏ phân hóa: Tiếp tục sử dụng làm đất trồng cây lâu năm và cơ sở thu mua nông sản.

- Cơ sở nhà đất tại QL 13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Công ty Vegetexco Bình Phước)

- + Diện tích đất: 49.556,4m². Diện tích sàn xây dựng: 9.309,4 m².
- + GCNQSDĐ và QSHNOVTSKGLVD số BD 752310 ngày 22/4/2011, Quyết định 1040/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.
- + Hình thức thuê đất lâu dài (đến tháng 01/2049) trả tiền thuê đất hàng năm.
- + Tiếp tục đề nghị đề UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt kế hoạch sử dụng đất sau CPH.
- + Hoàn thiện hồ sơ đất đai và ký hợp thuê đất mới theo quy định, chuyển đổi quyền sử dụng sang Công ty Cổ phần ngay khi đủ điều kiện.
- + Mục đích và Phương án sử dụng sau cỏ phân hóa: tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện giấy tờ đất đai.

- Cơ sở nhà đất tại QL 13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nhân/mua tài sản trên đất từ LD Vinaharris giải thể)

- + Diện tích đất: 1349,8 m². (GCN QSD đất của Liên doanh số AB389803 ngày 24/10/2005, hợp đồng thuê đất của liên doanh số 41/HDTĐ ngày 27/10/2005, thời gian thuê từ 07/02/2002-17/5/2021, trả tiền hàng năm).
- + Hiện trạng sử dụng: nhà xưởng chế biến gia vị.
- + Nguồn gốc: mua lại tài sản trên đất của Công ty LD TNHH Vinaharris. TCTy đang có văn bản gửi UBND tỉnh Bình Phước, Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước để hoàn thiện hồ sơ xin thuê tiếp tục sử dụng .
- + Phương án sử dụng sau cỏ phân hóa: tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện giấy tờ đất đai.

12. Kế hoạch SXKD sau CPH (2015-2017).

12.1. Mục tiêu, định hướng phát triển.

+ Tổ chức, sắp xếp lại Tổng công ty theo mô hình hoạt động công ty cổ phần. Tăng cường thực hiện liên kết các đối tác, cổ đông chiến lược có tiềm năng về tài chính, kỹ thuật, công nghệ, năng lực quản trị và điều hành; tăng cường sản xuất kinh doanh nội địa; nghiên cứu, cung cấp giống mới, năng suất cao của thế giới, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng cho sản xuất nông nghiệp trong nước và kinh doanh xuất khẩu; phát triển dịch vụ giống cây trồng, hoa tươi, kho bãi, văn phòng, khách sạn.

+ Xây dựng Tổng công ty có cơ cấu hợp lý; chú trọng đẩy mạnh, phát triển sản xuất kinh doanh rau quả, nông sản (trong và ngoài nước); xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường hợp lý, hiệu quả; thực hiện vai trò của doanh nghiệp lớn trong định hướng phát triển và hoạt động sản xuất, kinh doanh rau quả, nông sản.

+ Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp; huy động vốn của các nhà đầu tư để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của TCTy.

+ Hướng tới sự phát triển bền vững; tổ chức xây dựng, tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu rau quả, nông sản; đầu tư tăng năng lực sản xuất và năng lực giám sát chất lượng hàng hóa của các nhà máy chế biến; giám sát và hướng dẫn kỹ thuật cho các nhà máy trong quá trình sản xuất; tăng quy mô doanh số, thị phần thương mại, dịch vụ; tăng lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận trên vốn; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trong đơn vị.

12.2. Yếu tố thuận lợi và triển vọng

- Là 01 trong những Tổng Công ty lớn thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng khắp cả nước đặc biệt tại các vùng kinh tế trọng điểm. Sản phẩm của Tổng Công ty rất đa dạng, từ các sản phẩm nông nghiệp như Giống, Rau, Hoa, Củ, Quả, hàng Nông sản (hạt Tiêu, hạt Điều, Ngô, Sắn, ...), ...; các sản phẩm từ Công nghiệp chế biến như Dứa hộp, Dứa đông lạnh, nước Dứa cô đặc,... đến các loại nước giải khát; các sản phẩm công nghiệp phụ trợ là vật tư phục vụ sản xuất như bao bì in tráng, lon nhôm, hộp sắt,...

- Tổng công ty có nhiều loại hình hoạt động từ kinh doanh thương mại đến cung cấp dịch vụ các loại như vận tải (đường bộ đường sông, đường biển), bến bãi, kho tàng, bến cảng đến nhà hàng khách sạn...

- Tổng công ty đã có kinh nghiệm gần 60 năm trong mọi lĩnh vực hoạt động của mình và có mối quan hệ với khoảng 60 nước trên khắp các châu lục. Với bề dày về thời gian cũng như những mối quan hệ rộng như vậy Tổng Công ty luôn luôn nắm bắt được nhu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh của đơn vị thường xuyên mang lại lợi nhuận.



- Tổng công ty là đơn vị có công tác quản lý và đầu tư khá tốt, nhất là quản lý và đầu tư về mặt tài chính do đó hiện nay lĩnh vực đầu tư tài chính dài hạn đang mang lại hiệu quả cao cho đơn vị. Các đơn vị điển hình là Công ty Liên doanh Crown Hà Nội, Công ty Cổ phần in và bao bì Mỹ châu, Công ty Cổ phần Cảng Rau quả, Công ty liên doanh hộp sắt Tovecan, Công ty cổ phần nước giải khát Dona Newtowner, Công ty cổ phần Rau quả Tiền Giang, Công ty cổ phần Vận tải và thương mại VITRANIMEX, Công ty Cổ phần TPXK Đồng giao,...

- Tổng công ty đang được sử dụng những cơ sở hạ tầng có vị trí đặc địa, nếu khai thác tốt sẽ mang lại những lợi ích không nhỏ như: nhà số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm Hà Nội đây là vị trí vàng đang được triển khai làm khách sạn và sẽ đưa vào khai thác trong năm 2015; trụ sở số 02 Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Hà Nội là địa điểm có 02 mặt tiền rộng có thể chuyển đổi hoạt động kinh doanh nhiều lĩnh vực; khu sản xuất kinh doanh Giống rau quả và Hoa tại Thường Tín, Hà Nội với diện tích lớn gần 05 ha, vị trí giao thông thuận tiện nối liền các trục đường lớn Bắc - Nam và ... đây có thể là nơi vừa sản xuất kinh doanh Giống rau quả và Hoa, vừa là nơi kinh doanh kho hàng và bến bãi cho các loại phương tiện vận tải đường bộ hoặc phương thức kinh doanh Logistic...

- Ngoài những thuận lợi và là thế mạnh nêu trên, Tổng công ty là đơn vị có tình hình tài chính lành mạnh luôn bảo toàn và phát triển vốn trong hơn 10 năm qua vì vậy đầu tư vào Tổng công ty rất ít rủi ro và có khả năng sinh lợi cao.

- Điều tiết kinh tế vĩ mô của Nhà nước ngày càng tốt hơn, nhiều quy định pháp luật mới ra đời, nhiều chính sách đã đi vào thực tế hỗ trợ cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp hoạt động ngày càng hiệu quả hơn

12.3. Khó khăn thách thức và rủi ro

- Tình hình kinh tế, chính trị và địa chính trị thế giới vẫn tiếp tục biến động hết sức phức tạp, mâu thuẫn và xung đột sắc tộc, tôn giáo, nội chiến, chiến tranh biên giới, xảy ra ở khắp các lục địa và ngày càng gia tăng.

- Ngành nghề chính của Công ty thuộc lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp và kinh doanh các sản phẩm Nông nghiệp, đây là lĩnh vực mà các nước Công nghiệp phát triển luôn chèn ép các nước kém phát triển .

- Năng lực cạnh tranh của Việt Nam nói chung và của Công ty nói riêng còn yếu do công nghệ đầu tư đã lâu, năng suất thấp, chất lượng chưa có khả năng đáp ứng các hợp đồng dài hạn và hoặc số lượng lớn. Vệ sinh an toàn thực phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Sự phân công, điều tiết và phân chia lợi ích trong chuỗi giá trị của từng mặt hàng nói riêng hay từng ngành nghề nói chung chưa hợp lý vì vậy dù nhiều sản phẩm Nông



ngành của Việt nam đứng đầu thế giới về sản lượng nhưng vẫn không có tiếng nói chung và không giành được lợi thế trên thương trường.

- Các thị trường truyền thống ngày càng thu hẹp, thị trường mới ngày càng khó tính, yêu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao, đòi hỏi đầu tư lớn hơn, đẩy giá thành sản phẩm lên cao.

- Thiếu nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hoá không ổn định, hệ thống tiêu thụ sản phẩm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng trong nước còn hạn chế.

- Thiếu cán bộ quản lý giỏi, thiếu người lao động có tay nghề.

12.4. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD giai đoạn 2015-2017

Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ 3 năm sau 2015-2017 xây dựng dựa trên định hướng hoạt động của TCT và kế hoạch tái cấu trúc các đơn vị thành viên nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, Đồng thời lấy số liệu quá khứ 2011 - 2014 làm cơ sở cho thông số giả định dự phóng, chi tiết được trình bày theo bảng sau:

Kh khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Sản lượng SXCN (điều nhân)	TSP	720	800	850
KNXNK	mUSD	21,08	24,11	26,13
Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	516,43	602,01	677,24
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	37,31	43,81	48,68
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	37,31	43,81	48,68
Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	713	713	713
Tỷ lệ cổ tức hàng năm (**)	%	-	5	5
Tỷ suất LN/Doanh thu	%	7,2	7,3	7,2
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	523	613	682
Tỷ suất LN/VDL	%	5,23	6,13	6,7
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ VNĐ	5% LNst	5% LNst	5% LNst
Quỹ dự phòng tài chính	Tỷ VNĐ	5% LNst	5% LNst	5% LNst
Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ VNĐ	-	5% LNst	5% LNst

(*) Công ty mẹ TCTy lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015-2017 trên cơ sở kế hoạch Văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị phụ thuộc là Công ty Giống Rau quả TW và Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco.



(**) Chính sách cổ tức:

Lợi nhuận sau thuế 2015 – 2017 căn cứ vào kết quả SXKD cụ thể dự kiến kế đạt được mục tiêu tỷ lệ chia cổ tức từ năm thứ hai sau cổ phần hóa. TCT dự kiến tỷ lệ cổ tức sẽ tăng cao hơn sau giai đoạn một số nội dung đầu tư, cải tạo nâng cao năng lực phát huy hiệu quả, tăng cường sắp xếp và tiết giảm chi phí quản lý, một số dự án khai thác cơ sở hạ tầng đi vào hoạt động.

Một số nội dung thực hiện kế hoạch kinh doanh 2015 - 2017:

Đơn vị kinh doanh	Nội dung thực hiện
<i>Văn phòng Công ty mẹ</i>	Kế hoạch doanh thu từ Văn phòng năm 2015 quy mô ~160 tỷ VNĐ, các năm tiếp theo dự kiến tăng trưởng 10-12%, trong đó dự kiến nửa cuối năm 2016 đưa công trình khách sạn 58 Lý Thái Tổ vào hoạt động, tăng dần tính hiệu quả từ SXKD trực tiếp. Tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các mặt hàng chính, phát triển hệ thống và lực lượng kinh doanh nội tiêu; tăng cường Đầu tư hợp tác, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở vật chất; nâng cao hiệu suất lao động, tiết giảm chi phí là những mục tiêu trong giai đoạn này của Văn phòng Công ty mẹ.
<i>Công ty Giống Rau quả Trung Ương.</i>	Kế hoạch doanh thu từ Chi nhánh năm 2015 quy mô ~ 107 tỷ VNĐ, các năm tiếp theo dự kiến tăng trưởng 20%. Tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các mặt hàng chính của Công ty (Giống, Rau và thực phẩm, hoa), phát triển hệ thống và lực lượng kinh doanh nội tiêu; tăng cường Đầu tư cải tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở vật chất; nâng cao hiệu suất lao động, tiết giảm chi phí là những mục tiêu trong giai đoạn này của công ty.
<i>Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco</i>	Kế hoạch doanh thu từ Chi nhánh năm 2015 quy mô ~ 250 tỷ VNĐ, các năm tiếp theo dự kiến tăng trưởng 12-16%, trong đó tập trung ngoài sản xuất, gia công nhân điều, Công ty sẽ tăng cường kinh doanh thương mại, kết hợp với đầu tư sản xuất chế biến sâu cho các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao hiệu suất lao động thông qua tăng cường máy móc thay cho lao động thủ công, tiết giảm chi phí là những mục tiêu trong giai đoạn này của công ty.



12.5. Kế hoạch tổ chức và quản trị điều hành doanh nghiệp

Quy chế quản lý nội bộ

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của TCT phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá cán bộ theo định kỳ.

Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và hệ thống các mẫu biểu tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với TCT.

Đào tạo nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.

Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản trị doanh nghiệp, quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, quản lý dự án đầu tư. Đào tạo và tổ chức thi nâng bậc, ngạch cho CBCNV.

Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ

Xây dựng phần mềm quản lý công việc trong TCT.

Nâng cấp và cập nhật thường xuyên trang thông tin điện tử của TCT.

Quản lý và sử dụng đất đai

Hoàn thiện hồ sơ pháp lý sử dụng đất cập nhật quy định pháp luật hiện hành.

Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển TCT, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.

Rà soát đánh giá lại các cơ sở nhà đất định kỳ, nếu sử dụng không hiệu quả thì chuyển trả cho nhà nước sử dụng vào mục đích khác.

Quản trị tài chính

Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.

Rà soát định kỳ các định mức chi phí, thực hành tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của TCT.

Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.

12.6. Kế hoạch đầu tư phát triển



Trên cơ sở tình hình thực tiễn sản xuất kinh doanh năm 2013-2014 và dự báo xu hướng biến động kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2015 và những năm tiếp theo, Tổng công ty điều chỉnh **nhu cầu đầu tư giai đoạn 2015-2017** theo nguyên tắc thận trọng, tập trung, đảm bảo nguồn vốn đầu tư dài hạn. Cụ thể, Tổng công ty sẽ tập trung rà soát, cơ cấu lại danh mục các khoản đầu tư phù hợp với năng lực hiện có của đơn vị; thực hiện thoái vốn đối với các dự án có hiệu quả thấp, tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn các dự án có hiệu quả để nghiên cứu đầu tư trong tương lai khi đủ điều kiện.

Đầu tư cho SX-KD của Công ty mẹ :

- Đầu tư nâng cao năng lực SXKD của Văn phòng Công ty mẹ và các Chi nhánh phụ thuộc.
- Tiếp tục Rà soát danh mục và thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư theo Phương án tái cơ cấu đã được duyệt, xây dựng các dự án mới kêu gọi đầu tư để khai thác hợp lý và có hiệu quả các cơ sở nhà đất.
- Đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu Rau quả, Nông sản tại các vùng chuyên canh lớn (trực tiếp đầu tư dự án hoặc liên doanh liên kết) theo công nghệ và kỹ thuật hiện đại từng bước chủ động về cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và chế biến, cung cấp sản phẩm hàng hoá chất lượng cao, an toàn cho người sử dụng.



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB VÀ MUA SẴM THIẾT BỊ 2014-2017

STT	Dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư/Đại diện CĐT	Hình thức đầu tư (mới, mở rộng, cải tạo, ...)	Quy mô đầu tư (công suất, năng lực, ...)	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Kế hoạch đầu tư (tỷ đồng)				Nguồn vốn (Tỷ đồng)		
								Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017-2018	Tự có	Vốn vay	khác
1	Dự án Nâng cấp cải tạo trụ sở 58 Lý Thái Tổ thành khách sạn VEGETEXCO (Dự án đã duyệt, đang triển khai thực hiện).	58 Lý Thái Tổ, Hà Nội	Tổng công ty	Cải tạo nâng cấp	Tương đương khách sạn 3 sao	1 năm	38,80		29,00	9,80		19,40	19,40	-
2	Nghiên cứu tiên khả thi đầu tư nhà máy chế biến Rau quả, đông lạnh (Tiếp tục n.c đầu tư).	Hưng Yên, Hà Nội	Tổng công ty	Cải tạo nâng cấp và đầu tư mới	5000 TSP/năm (chế biến rau quả 3000 tấn; đông lạnh 2000 tấn)	2,5 năm	45,00		2,00	13,00		20,00	25,00	-
3	Nghiên cứu tiên khả thi Xây dựng tòa nhà hỗn hợp bao gồm trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê (Khảo sát kêu gọi đầu tư).	02 Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội	Tổng công ty	Đầu tư mới	9 tầng	3 năm	148,00					29,6		118,4
4	Nghiên cứu tiên khả thi Xây dựng nhà chung cư Cầu Tiên (tòa nhà hỗn hợp. Khảo sát kêu gọi đầu tư).	Hoàng Mai, Hà Nội	Tổng công ty	Đầu tư mới	15 tầng	2,5 năm	130,00					26,0	-	104



Phương án CPH Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV

5	Nghiên cứu tiền khả thi Cải tạo nâng cấp kho Cầu Diễn (Triếp tục n/c đầu tư).	Cầu Giấy, Hà Nội	Tổng công ty	Cải tạo nâng cấp	5000 m ²	1,5 năm	25,00	1,00	14,00	10,00	25,0	-	-
6	Cải tạo 2 tầng nhà 2 tầng thành cửa hàng chuyên doanh rau và TP an toàn.	Số 2 Phạm Ngọc Thạch	Công ty Giống Rau quả TW	Cải tạo, nâng cấp	200m ²	1 năm	5,00	5,00	-	-	5,0	-	-
7	Nghiên cứu tiền khả thi phát triển chuỗi của hàng chuyên doanh rau và TP an toàn (Trên cơ sở phát triển điểm bán hàng số 2 PNT)	Hà Nội	Công ty Giống Rau quả TW	mới	5-10 điểm	3 năm	5-10	-	-	-	-	-	-
8	Nghiên cứu tiền khả thi Kho chứa hàng và bãi xe CONTAINER - Thường Tín - Hà Nội (giai đoạn 1). Khảo sát khả năng liên kết hợp tác với Công ty CP Vận tải và TM	Thường Tín - Hà Nội	Tổng công ty	Xây mới	GDI: 80 xe hoạt động và 450 tấn hàng hóa luân chuyển trong ngày	1 năm	15,00	-	-	-	-	-	-
9	Cải tạo nhà SX, nuôi trồng hoa Lan	Thường Tín	Công ty Giống Rau quả TW	Cải tạo nâng cấp	500m ² (30.000 cây)	1 năm	2,00	1,00	1,00	-	2,0	-	-
10	Xây dựng xưởng chế biến giống	Thường Tín	Công ty Giống Rau quả TW	Đầu tư xây mới	300m ² (100tấn/năm)	1 năm	5,00	-	-	-	5,0	-	-
11	Cải tạo, lắp đặt dây chuyền sản xuất rau an toàn	Thường Tín	Công ty Giống Rau quả TW	Cải tạo, Đầu tư	1.000m ² nhà lưới	1 năm	1,50	1,50	-	-	1,5	-	-



Phương án CPH Công ty mẹ Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV

12	Nồi hơi - cái tạo lò sấy, lò hấp... (hệ thống)	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Đầu tư mới	1 bộ	1 năm	1,00	1,00			1,0	-	-	
13	Máy chế	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Đầu tư mới	4 dàn	3 năm	1,76	0,88	0,44		1,8	-	-	
14	Xe nâng	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Đầu tư mới	2 xe	1 năm	1,00	1,00			1,0	-	-	
15	Máy chà vỏ lụa	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Đầu tư mới	2 máy	1 năm	0,50	0,50			0,5	-	-	
16	Máy rà kim loại	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Đầu tư mới	1 máy	1 năm	0,40	0,40			0,4	-	-	
17	MIMTB chế biến điều rang muối	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Đầu tư mới		1 năm	0,10	0,10			0,1	-	-	
18	Cải tạo nhà xưởng (khu máy chế)	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Cải tạo		1 năm	1,00	1,00			1,0	-	-	
19	Sửa chữa, cải tạo sân phơi	Chon Thành, Bình Phước	VegetexcoBP	Cải tạo		1 năm	3,00				3,0	-	-	
	Cộng						424,06	1,88	48,94	37,24	43,0	142,26	44,4	222,4



Đầu tư tài chính dài hạn:

+ Tiếp tục xử lý các tồn tại tài chính, công nợ; thực hiện bán nợ thông qua Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

+ Thoái vốn và giảm vốn tại các công ty liên doanh, liên kết hoạt động kém hiệu quả hoặc không thuộc các ngành nghề kinh doanh chính để bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư phát triển khác có hiệu quả hơn.

+ Góp vốn vào các dự án đầu tư hoặc mua cổ phần của các công ty hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh chính hoặc có tiềm năng hỗ trợ, phát triển ngành nghề kinh doanh chính của TCTy.

+ Mở rộng đầu tư tài chính theo phương thức góp vốn đầu tư vào các dự án phát triển mở rộng quy mô và tăng công suất tại các công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và chế biến thực phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, ổn định, đã tạo được uy tín và thương hiệu trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty Mẹ, như: công ty CP TP và Nước giải khát DONA NEWTOWER, Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu, Công ty CP Cảng Rau quả, Công ty LD TNHH CROWN Hà Nội, ...

Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển

+ Quan tâm và Đầu tư xây dựng Hệ thống quản trị nội bộ, quản trị rủi ro của TCTy. Hoàn thiện hệ thống quy trình quy định, tổ chức của bộ phận quản lý đầu tư phát triển và quản lý rủi ro, giám sát nội bộ. Ứng dụng công nghệ vào tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý, giám sát.

+ Quan tâm và tăng cường đầu tư nhiều hơn cho Hệ thống kiểm định và nghiên cứu phát triển sản phẩm. Dẩy mạnh hỗ trợ hoạt động nghiên cứu KHKT ứng dụng thiết thực với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nâng cấp TI KCS của TCT và Phòng kiểm nghiệm giống của Công ty giống RQ TW.

+ Quan tâm và tăng cường đầu tư mạnh cho bộ phận nghiên cứu và phát triển thị trường. Tăng cường quảng bá thương hiệu VEGETEXCO cả trong và ngoài nước thường xuyên, bài bản, có hệ thống và chiến lược dài hơi.

12.7. Kế hoạch thoái vốn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính

Tổng công ty đã có kế hoạch tái cấu trúc lại công ty liên kết, liên doanh để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển vào lĩnh vực ngành nghề chính là ưu thế của Tổng công ty. Trong đó: (1) tập trung vào những công ty liên doanh liên kết có tiềm lực mạnh, có hiệu quả cao, hoạt động ổn định, đã tạo được uy tín và thương hiệu trên thị trường; (2) giảm dần tỷ lệ vốn tham gia, thoái vốn tại các công ty có tỷ trọng vốn góp quá nhỏ, các công ty hoạt động kinh doanh kém hiệu quả; (3) Nghiên cứu góp vốn vào các dự án đầu



tư hoặc mua cổ phần của các công ty hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh chính hoặc có tiềm năng hỗ trợ, phát triển ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

Kế hoạch cơ cấu của Tổng công ty trong thời gian tới như sau:

Theo phương án thoái vốn của Tổng công ty được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt 3051/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 25/12/2013 và phương án điều chỉnh, bổ sung theo quyết định số 3786/QĐ-BNN-QLDN ngày 04/9/2014 về việc thoái vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, và tờ trình bổ sung Tổng công ty đã trình Bộ Nông nghiệp và PTNT trong tháng 11/2014, cụ thể:

Các doanh nghiệp sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn gồm:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang
- Công ty Cổ phần Nông lâm sản Hà Tĩnh.
- Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang
- Công ty Liên doanh TNHH LUVECO.

Các đơn vị sẽ giảm tỷ lệ vốn góp gồm:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả Thanh Hóa

Trong quá trình sau cổ phần hóa, Tổng công ty cổ phần sẽ vẫn tiếp tục rà soát và điều chỉnh cơ cấu danh mục và tỷ trọng đầu tư tại các đơn vị liên doanh liên kết và đầu tư mới cho phù hợp với mục tiêu đề ra.

Chuyển đổi và thành lập mới như sau:

- Chuyển đổi công ty Giống Rau quả Trung ương thành Công ty Cổ phần Giống rau quả Trung ương
- Chuyển đổi Công ty chế biến Điều và Nông sản Vegetexco thành Công ty Cổ phần chế biến Điều và Nông sản Vegetexco
- Thành lập Công ty Cổ phần khách sạn Vegetexco trụ sở tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm Hà Nội
- Chuyển đổi Công ty Chipgood - Vegetexco thành Công ty Cổ phần Chipgood - Vegetexco

12.8. Các giải pháp thực hiện KH SXKD

12.8.1. Cơ cấu lại doanh nghiệp sau khi chuyển thành công ty cổ phần



Trên cơ sở hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH ITV, sau khi chuyển hoạt động theo mô hình cổ phần, Tổng công ty tiếp tục kế thừa, phát huy các thế mạnh sẵn có về sản phẩm, thị trường, công nghệ, quản trị trước đây và tiếp tục rà soát, triển khai và bổ sung thêm các nội dung tái cơ cấu Tổng công ty theo phương án đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-BNN-DMDN ngày 20 tháng 8 năm 2012, triển khai các kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao GTGT và phát triển bền vững (qđ số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013); Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng nông lâm thủy sản trong chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch (Qđ 1003/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014) để hoạt động của Tổng công ty ngày càng hiệu quả với các nội dung như:

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD giai đoạn 2011-2014 của Tổng công ty, xây dựng kế hoạch SXKD giai đoạn 2015-2017.

- Xây dựng bộ máy quản lý, điều hành năng động, linh hoạt, sáng tạo, tạo động lực thúc đẩy toàn Tổng công ty phát triển.

- Tổ chức lực lượng lao động có trình độ quản lý chắc, chuyên môn vững, tay nghề cao, phát triển nguồn nhân lực có trình độ đại học, trên đại học đáp ứng được những yêu cầu mới của sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện cho người lao động nâng cao thu nhập, ngày càng gắn kết với Tổng công ty. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- Rà soát thường xuyên đề tối ưu hoá hệ thống sản xuất, kinh doanh; mở rộng thị trường, lĩnh vực hoạt động để khai thác hết tiềm năng của đơn vị; khẳng định thương hiệu và tạo bước đột phá về chất lượng trong Tổng công ty; sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

- Tiếp tục đầu tư các dự án tiềm năng được đánh giá khả thi và có hiệu quả để khai thác hợp lý, tối đa các nguồn lực về đất đai, tài chính, ... tại Tổng công ty một cách tối ưu.

12.8.2. Sắp xếp lại Bộ máy tổ chức trong doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực.

- Đào tạo và đào tạo lại nhân sự; xây dựng chương trình đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn- nghiệp vụ -kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng sự phát triển của Tổng công ty cổ phần; khuyến khích cán bộ nhân viên học tập nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Xây dựng quy trình, quy định khi có nhu cầu tuyển dụng, phải tổ chức thi tuyển để lựa chọn nhân sự đạt tiêu chuẩn phù hợp với vị trí tuyển dụng; xây dựng cơ chế, chính sách rõ ràng để giữ và thu hút cán bộ giỏi, công nhân lành nghề có nhiều kinh nghiệm, gắn bó, làm việc lâu dài, nhất là chính sách về tiền lương, thưởng và cơ hội thăng tiến.

- Nâng cao năng lực quản trị cho các cán bộ quản lý từ lãnh đạo Tổng công ty, trưởng phó phòng ban đến người quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

Cu thể một số giải pháp:



- **Ổn định và duy trì nguồn nhân lực hiện có**

+ Kiện toàn các quy chế, chính sách hiện đang áp dụng tại đơn vị, đảm bảo công bằng và hợp lý trong chi trả lương cho người lao động, tạo tính cạnh tranh trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài và giữ chân nguồn lực bên trong.

+ Cải thiện môi trường làm việc.

+ Sắp xếp và ổn định lại nhân sự, đảm bảo bố trí nhân sự đúng người, đúng việc.

+ Cải tiến phương thức làm việc, giảm thiểu các công đoạn không tạo ra giá trị gia tăng, đảm bảo tính chuyên nghiệp cao trong môi trường làm việc.

+ Tiến hành công nghệ hóa các quy trình làm việc, áp dụng các phần mềm hiện đại để nâng cao hiệu quả công việc.

- **Phát triển nguồn nhân lực**

+ Thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý để tạo điều kiện gắn bó lâu dài của nhân viên với đơn vị.

+ Tạo môi trường làm việc năng động, thân thiện, chuyên nghiệp với một nét văn hoá riêng biệt của Vegetexco Vietnam, tạo mọi điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động để phát huy tính chủ động, sáng tạo, sự hứng khởi trong công việc, tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong từng vị trí công việc để người lao động phát huy tối đa năng lực của bản thân.

+ Xây dựng và phát triển các các chính sách đề bạt - thăng tiến cho nhân viên tạo động lực phấn đấu và phát huy hết năng lực của mỗi cá nhân.

+ Tiến hành phân tích tình trạng nguồn nhân lực thường xuyên để đánh giá và cơ cấu lại sơ đồ tổ chức – hoạt động trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động hiệu quả nhất, thích ứng với các thay đổi bên trong và bên ngoài đơn vị.

+ Xây dựng và phát triển mạnh các hoạt động phong trào như văn hóa, thể dục, thể thao.. phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ... để người lao động có cơ hội giao lưu, thắt chặt tình đoàn kết của tổ chức, học hỏi chuyên môn nghề nghiệp, cũng như vui chơi giải trí để tái tạo sức lao động.

- **Chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài**

+ Tạo môi trường làm việc năng động, các chính sách đãi ngộ phúc lợi, tiền lương hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn lực từ bên ngoài về làm việc

+ Phối hợp tuyển dụng với các công ty, tổ chức, trường Đại học... để tìm kiếm các ứng viên có năng lực; hỗ trợ đào tạo các ứng viên khi cần thiết

+ Sàng lọc kỹ nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được những nhân viên thật sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình và sáng tạo, có hướng gắn bó lâu dài.



- **Chính sách đào tạo**

+ Tiến hành đánh giá năng lực của từng nhân viên theo định kỳ ngoài trình độ chuyên môn còn phải trao đổi thêm về trình độ ngoại ngữ, nhằm xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đào tạo hoặc tái đào tạo với mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả công việc của nhân viên.

+ Quy hoạch các nguồn lãnh đạo kế cận trong tương lai để có chiến lược đào tạo hợp lý để bổ sung vào hàng ngũ lãnh đạo trong tương lai.

+ Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm phổ biến các kiến thức mới, các kiến thức về quản trị doanh nghiệp, cũng như phương thức làm việc hiện đại cho nhân viên.

+ Có định hướng rõ ràng về sự phát triển của công ty trong tương lai để tiến hành đào tạo các kiến thức đón đầu.

12.8.3. Giải pháp về sản phẩm và thị trường

Khai thác lợi thế ngành nghề sản xuất chính của Tổng công ty sản xuất, chế biến, kinh doanh-XNK rau quả, nông sản. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cả trong và ngoài nước.

Hướng định vị mà Tổng công ty theo đuổi cho sản phẩm/dịch vụ của mình là đưa sản phẩm/dịch vụ Vegetexco Vietnam thành sản phẩm có uy tín, chất lượng và giá cả cạnh tranh. Mục tiêu nhằm:

- Thỏa mãn nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng thông qua việc cung cấp một cách tối ưu những sản phẩm có chất lượng cao và ổn định.

- Tạo ra những giá trị bền vững cho doanh nghiệp.

- Phấn đấu chiếm lĩnh vị thế cạnh tranh trên thị trường nội địa và quốc tế thông qua hoạt động sản xuất, phân phối, bán hàng.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng biệt.

Sản phẩm và chiến lược sản phẩm

Xuất phát từ yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh cải tiến sản phẩm, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh sẽ là quyết định cho công ty kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm và đáp ứng được ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường do vậy đa dạng hóa sản phẩm là cần thiết, quan trọng.

Về sản phẩm xuất khẩu: tới năm 2017 thì rau quả tươi, đồ hộp nước quả đông lạnh, rau quả sấy muối, hạt điều, gia vị và nông sản phẩm vẫn là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Tổng công ty. Giai đoạn này Tổng công ty cũng sẽ thực hiện việc đa dạng hóa các sản phẩm (phát triển thêm các sản phẩm mới, nâng cao chất lượng của các sản phẩm cũ) để phù hợp với xu hướng phát triển và nhu cầu của thị trường.



Về sản phẩm nội tiêu: tập trung vào phát triển giống và vật tư ngành giống; hoa và vật tư ngành hoa, cung cấp rau quả tươi và thực phẩm an toàn; các loại rau quả chế biến phục vụ nội tiêu (đồ hộp, lạnh đông, chips, ...); nghiên cứu các sản phẩm giá trị gia tăng sản xuất từ điều nhân,...

Về chiến lược sản phẩm:

+ Luôn chú ý đến việc cải tiến chất lượng và thiết kế sản phẩm. Không tập trung vào sản phẩm chất lượng thấp, giá thấp; Tạo sự khác biệt sản phẩm và nâng cấp tính chuyên nghiệp thông qua đầu tư thích đáng cho nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.

+ Đưa các tiêu chuẩn của Tổng công ty thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế và giảm những rủi ro liên quan đến sức khỏe đối với các sản phẩm nông nghiệp nhằm vượt qua hàng rào TBT và SPS, dễ dàng tiếp cận với các thị trường khó tính, thông qua việc tiếp cận với các loại chứng nhận SQF (Safe Quality Food), áp dụng các tiêu chuẩn của hệ thống GlobalGap, VietGap...

+ Xây dựng và phát triển thương hiệu: xây dựng chính sách và chế tài tài chính để đầu tư cho việc xây dựng, phát triển thương hiệu, bao gồm cả việc đăng ký thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm

Chiến lược Làm mới sản phẩm cũ:

+ Xác định sản phẩm hiện có và chu trình vòng đời của sản phẩm

+ Lên kế hoạch nghiên cứu, làm mới sản phẩm thông qua bao bì, nhãn mác, hình thức đóng gói; khẩu vị sản phẩm; hình thức sản phẩm (màu sắc...); công dụng sản phẩm.

+ Hướng các sản phẩm truyền thống theo hướng: chất lượng ổn định, thân thiện với môi trường, các sản phẩm hữu cơ, tốt cho sức khỏe người tiêu dùng; dịch vụ bán hàng).

Chiến lược Phát triển sản phẩm mới:

+ Nghiên cứu nhu cầu, thị hiếu và xu hướng tiêu dùng để phát triển sản phẩm mới.

+ Ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để sản xuất sản phẩm nhằm gia tăng hàm lượng giá trị gia tăng cho sản phẩm.

+ Áp dụng chiến lược marketing phát triển sản phẩm ngay từ giai đoạn đưa sản phẩm mới vào thử nghiệm trên thị trường.

+ Đăng ký nhãn hiệu cho các sản phẩm mới tại các thị trường trong và ngoài nước.

Thị trường và chiến lược thị trường

Đối với thị trường xuất khẩu: xu hướng hội nhập cũng tạo điều kiện mở rộng thị trường và là điều kiện tốt để đẩy mạnh xuất khẩu.

Mục tiêu dài hạn là xuất khẩu rau quả, nông sản sang các nước vùng Bắc Mỹ-Canada và Hoa Kỳ cũng như khu vực EU. Tuy nhiên, rau quả xuất khẩu của Việt Nam



khó có thể thâm nhập vào thị trường khu vực Bắc Mỹ vì các thị trường này đã có truyền thống nhập khẩu rau quả từ các khu vực khác như vùng Nam Mỹ và Trung Mỹ, Israel và Châu Phi. Những thị trường như này cũng khá xa về khoảng cách địa lý nên chi phí vận chuyển sẽ không phải là lợi thế. Các yếu tố liên quan đến việc đạt được những mục tiêu dài hạn này chỉ có thể là giá cả và các dịch vụ khách hàng.

Mục tiêu ngắn hạn là phát triển sang các nước Châu Á - Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc... Những thuận lợi khi bán hàng cho những nước này chính là vị trí địa lý gần, các yêu cầu vận chuyển và chi phí cho việc bảo quản sau khi thu hoạch thấp và sự liên hệ để tìm khách hàng thường có thể dựa vào các mối quan hệ kinh doanh hiện tại.

Căn cứ vào cụ thể đặc điểm và mức độ quan hệ của từng thị trường mục tiêu để xây dựng giải pháp, kế hoạch riêng (Chiến lược phát triển sâu thị trường truyền thống, Chiến lược mở rộng và chuyển dịch thị trường tiềm năng).

Đối với thị trường nội địa: công ty phát triển việc xây dựng hoặc liên kết xây dựng vùng sản xuất, đầu tư cho cơ sở chế biến. Các mặt hàng kinh doanh trong lĩnh vực nội tiêu có thể kể đến như rau quả tươi, an toàn; nước quả, nước giải khát; hạt giống rau và giống nông sản các loại; các sản phẩm làm đẹp chế biến sẵn từ rau quả nông sản; các sản phẩm chế biến từ rau quả, nông sản (rau quả, hạt điều, hạt tiêu...) ,...

Trong 3 năm tới (2015-2017) hoạt động của Công ty mẹ TCT cổ phần sẽ vẫn tập trung vào các khu vực thị trường như sau:

1- Thị trường Mỹ và Canada: mặt hàng chính là hạt điều, rau quả hộp và nước quả cô đặc.

2- Thị trường EU: trọng tâm là Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bulgari. Mặt hàng chính là hạt điều, rau quả hộp và nước quả cô đặc.

3- Thị trường Úc: Mặt hàng chính là hạt điều.

4- Thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc: Mặt hàng chính là hạt điều, rau quả đông lạnh và hàng gia vị.

5- Thị trường Đông Âu: Chủ yếu là Liên bang Nga, Ukraina. Mặt hàng chính là rau quả sấy muối, rau quả hộp.

6- Trung Quốc và Asean : Mặt hàng chính là hạt điều, rau quả tươi và hàng gia vị.

7- Thị trường nội địa:

- Sản xuất và liên kết sản xuất, phân phối hạt giống rau và nông sản các loại tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung.

- Tập trung triển khai chuỗi sản xuất - cung ứng sản phẩm rau và thực phẩm an toàn ở Hà Nội.

- Phát triển sản xuất và cung ứng hoa và vật tư ngành hoa.

- Các sản phẩm chế biến từ rau quả, nông sản.



12.8.4. Giải pháp về công nghệ

- Không ngừng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh; trong công tác quản lý.
- Tổng công ty định hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm theo nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo ra sản phẩm chất lượng, sản xuất thân thiện với môi trường, phát triển bền vững.

12.8.5. Giải pháp về vốn

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tài chính hợp lý và hiệu quả, cơ cấu lại vốn đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, thoái vốn đầu tư tại một số Công ty hoạt động kém hiệu quả để bảo đảm vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dài hạn;
- Xây dựng và thường xuyên đánh giá, rà soát kế hoạch tài chính để đảm bảo cơ cấu sử dụng vốn, cơ cấu chi phí tối ưu trong sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
- Tăng cường quản lý vốn của Tổng công ty đầu tư vào công ty con và công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty nhằm phát triển sản xuất, tăng hiệu quả đầu tư, tăng cổ tức.

12.8.6. Các biện pháp về tăng cường quản lý

- Đảm bảo sự điều hành tập trung thống nhất, quy định trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng từng đơn vị, cá nhân để phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm, từ đó nâng cao hiệu quả công việc. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc đều hạch toán tập trung tại Tổng công ty.
- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các định mức khoán cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và đặc điểm của Tổng công ty.
- Hoàn chỉnh các quy định về phân cấp quản lý điều hành của Tổng công ty xây dựng quy chế hoạt động để chính thức ban hành.
- Cử người trực tiếp quản lý vốn của Tổng công ty tại các Công ty con, giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty con. Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty.
- Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ của cổ đông tại Công ty liên kết.
- Tạo cơ chế và tổ chức điều hành, quản lý phù hợp với tình hình mới trên cơ sở phát huy hết khả năng của từng thành viên trong tập thể, làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người.



12.9. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện theo quy định tại điều 14 mục 3 quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty dự kiến kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán như sau:

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Tổng công ty Rau quả Nông sản-Công ty cổ phần sẽ liên hệ tổ chức tư vấn thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Tổng công ty Rau quả Nông sản-Công ty cổ phần sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trong vòng 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Tổng công ty Rau quả Nông sản-Công ty cổ phần sẽ bổ sung hoàn tất hồ sơ thủ tục niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



PHẦN THỨ TƯ

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện Quyết định số 2780/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 25/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH ITV, Tổng công ty dự kiến một số mốc thuộc lộ trình thực hiện cổ phần hóa sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa như sau:

1. Từ tháng 01 đến tháng 06/2015.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa.
- Trình cơ quan cấp trên phê duyệt đơn vị Tư vấn tài chính trung gian tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu.
- Phối hợp với Đơn vị Tư vấn tài chính trung gian tổ chức bán cổ phần lần đầu theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và tổ chức bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược và bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định.
- Tổng hợp kết quả bán đấu giá và báo cáo Ban chỉ đạo, Bộ Nông nghiệp và PTNT: kết quả chào bán cổ phần, điều chỉnh quy mô, cơ cấu cổ phần của Tổng công ty.
- Hoàn thiện hồ sơ giải quyết chế độ lao động cho những người chuyển công tác, nghỉ việc và tính toán kinh phí giải quyết chế độ theo Bộ Luật Lao động, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để làm căn cứ thực hiện.
- Trường hợp không bán được hết cổ phần lần đầu và điều chỉnh vào tăng tỷ lệ vốn nhà nước thì báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cử người đại diện phần vốn nhà nước tại CTCP.
- Chuyển tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

2. Từ tháng 06 đến 12/2015

- Tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu để thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án sản xuất kinh doanh, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần, thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định.
- Lập Báo cáo tài chính tại thời điểm công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- Thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- Thực hiện quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách tại thời điểm công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.



- Quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa, quyết toán kinh phí giải quyết chế độ cho người lao động, báo cáo cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu chuyển sang công ty cổ phần.
- Thực hiện việc bàn giao giữa DNNN và công ty cổ phần. Ra mắt công ty cổ phần và thực hiện báo cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.
- Liên hệ tổ chức tư vấn để hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định.

III. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện Phương án cổ phần hóa Tổng công ty, cũng như đạt được mục tiêu của Phương án, Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH một thành viên kiến nghị Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Tại thời điểm cổ phần hóa, Quỹ hỗ trợ mất việc làm của Tổng công ty không còn, vì vậy để đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động mất việc, thôi việc, Tổng công ty kính Rau quả Nông sản kính đề nghị Ban Chỉ đạo báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nguồn kinh phí để giải quyết chế độ mất việc, thôi là 2.341.486.250 đồng được trừ vào tiền thu từ bán phần vốn nhà nước quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về các trường hợp bảo lãnh của Tổng công ty Rau quả, Nông sản tại một số đơn vị thành viên nay đã cổ phần hóa hết (tại Phần thứ II-II-8 những tồn tại tiếp tục phải giải quyết), trong đó có các khoản bảo lãnh như bảo lãnh cho Công ty CP NLS Hà Tĩnh vay vốn để phát triển vùng dứa,... từ những năm 2000-2003 đã nhiều lần TCTy và Công ty đã có văn bản đề nghị xóa nợ dứa cho dân nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết và đơn vị này đang thuộc diện địa phương yêu cầu phá sản doanh nghiệp vì không trả được nợ; bảo lãnh cho Công ty XNK Nông sản TPCB Đà Nẵng phát triển chế biến dứa nhưng nay công ty đã phá sản, Tòa án tuyên một phần và TCTy đã bị thu hồi một phần bảo lãnh, còn một phần vẫn tiềm ẩn rủi ro có thể phải thực hiện nghĩa vụ bảo khi nếu tòa án tuyên ở một bản án mới ... Kính đề nghị Chính Phủ xem xét chỉ đạo các Bộ ngành giúp giải quyết xóa nợ cho dân trồng dứa, giải quyết xóa nợ cho doanh nghiệp phá sản; và chỉ đạo giải quyết các tồn tại về bảo lãnh để tạo điều kiện lành mạnh tài chính cho công ty Cổ phần.



3. Đề nghị cho phép được tiếp tục thoái vốn tại các đơn vị thua lỗ, không có hiệu quả. Đến thời điểm quyết toán vốn nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần, đề nghị được loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp những khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các đơn vị mất hết vốn hoặc lâm vào tình trạng phá sản

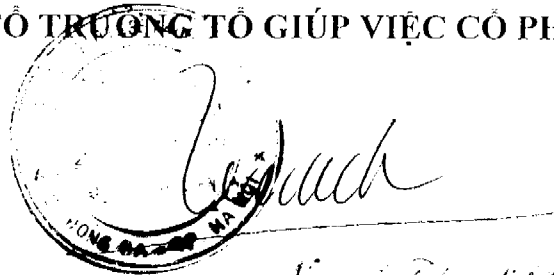
4. Đề đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Tổng công ty, nhà đầu tư và người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa, kính đề nghị BCDCPH làm việc với các nhà đầu tư đăng ký làm NDTCL của công ty cổ phần cam kết thực hiện các nghĩa vụ và trách theo như quy định của nhà đầu tư chiến lược trong nghị định 59/2011/NĐ-CP và cam kết đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần, giúp người lao động yên tâm công tác và có thời gian thích nghi với sự chuyển đổi ở công ty cổ phần.

5. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo về kế hoạch và sắp xếp đối với các Viên chức quản lý đang làm việc tại Tổng công ty.

6. Đối với Công ty con hiện nay là Công ty TNHH ITV Xuất nhập khẩu Nông sản và Thực phẩm Hà Nội (AGREXPORT HANOI). Đây là 1 Công ty con của TCT, đã có quyết định CPH vào năm 2012, nhưng không thực hiện được vì theo quyết định 2153/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông nghiệp và PTNT giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp âm 18.779 triệu đồng. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 4025/BNN-ĐMDN ngày 21/11/2012 gửi Thủ tướng Chính phủ cho phép ngân hàng Phát triển Việt Nam bán nợ cho DATC để Agrexport Hà nội cơ cấu lại nợ và chuyển thành Công ty cổ phần. Ngày 19/12/2012 Văn phòng Chính phủ có văn bản số 10418/VPCP-ĐMDN giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Công ty TNHH 1 thành viên XNK nông sản thực phẩm Hà nội phối hợp với Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng để tái cơ cấu công ty này theo thẩm quyền vì vậy kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Chính phủ chấp thuận tiếp tục để Công ty TNHH ITV XNK Nông sản và Thực phẩm Hà Nội được tái cơ cấu riêng.

7. Trường hợp không bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ đề nghị BCDCPH, Chính phủ cho phép được chuyển thành vốn nhà nước tại Công ty cổ phần và để Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục làm chủ sở hữu phần vốn này.

**THÀNH VIÊN HĐTV - TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ GIÚP VIỆC CỔ PHẦN HÓA**



Sông Thanh Bình